Phục vụ để phát triển
Phát triển để phục vụ

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

720 QL1A khu phố 3B phường Thạnh Lộc, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Email: stp@benbaivantaisaigon.com.vn
Website: http://www.benbaivantaisaigon.com.vn/
Điện thoại: (028) 2233 8686

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301114089
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.26 07:46:43 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

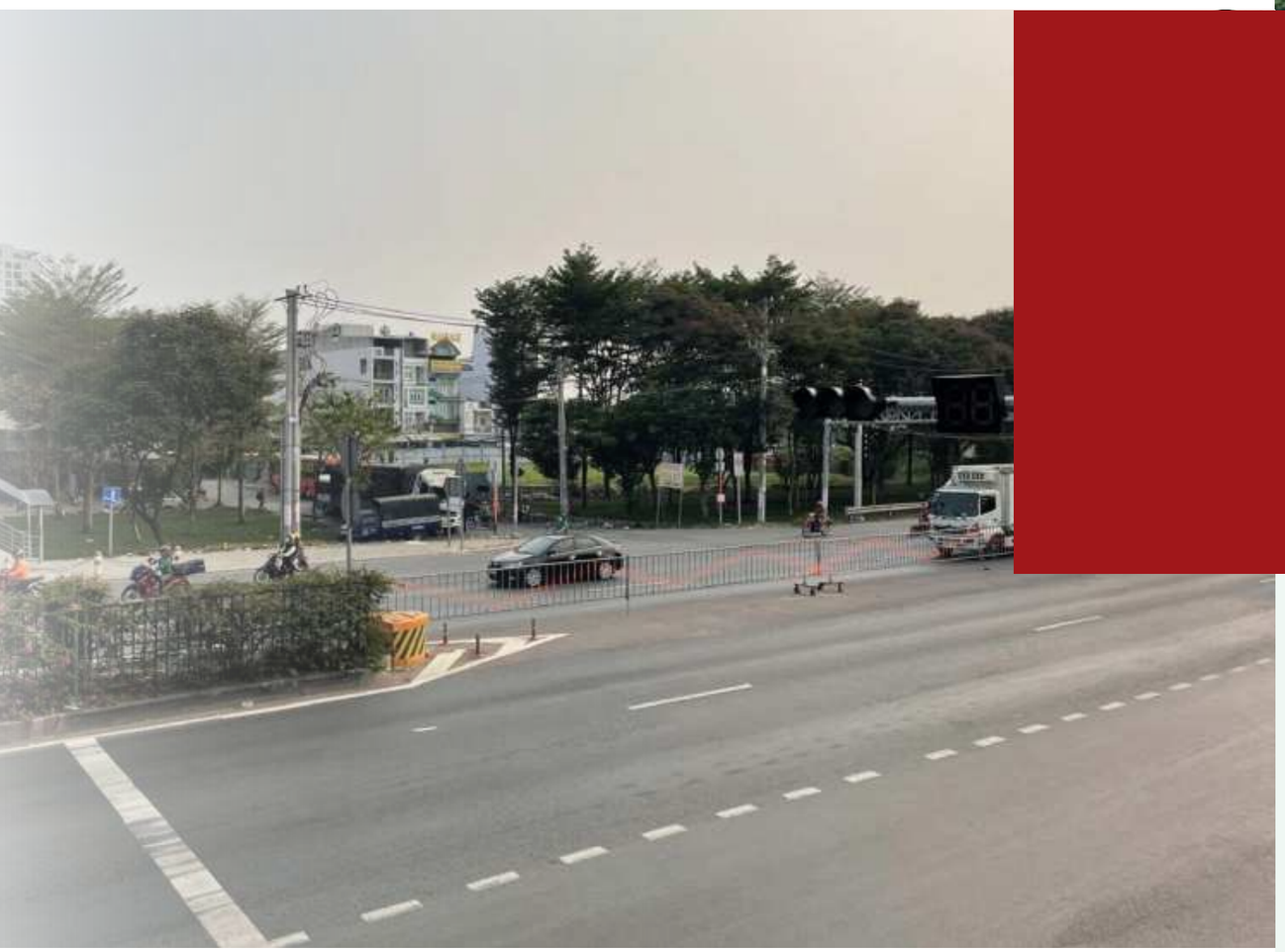

Báo cáo thường niên **2024**

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ
ISO 9001:2015

Mục lục

Chương 1
Thông tin chung

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Các giải thưởng tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Rủi ro trong quá trình hoạt động

(Trang 5)

Chương 2
Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

(Trang 23)

Chương 3
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường
Chính sách liên quan đến người lao động
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

(Trang 43)

Chương 4
Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

(Trang 51)

Chương 5
Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

(Trang 61)

Chương 6
Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị
Hoạt động của Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

(Trang 65)

Chương 7
Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Trang 77)

01

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Lịch sử hình thành và phát triển
Các thành tích tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Rủi ro trong quá trình hoạt động

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Tên Quốc tế: Sai Gon Transportation Parking Joint Stock Company

Tên viết tắt: STP JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 7 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 720 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Điện thoại: (028) 2233 8686

Website: *http://www.benbaivantaisaigon.com.vn/*

Email: *stp@benbaivantaisaigon.com.vn*

Ngành nghề: Hỗ trợ vận tải

TPS

MÃ CỔ PHIẾU

ISO 9001:2015

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1988

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (tiền thân là Bến xe Vận tải Hóc Môn) được thành lập theo Quyết định số 235/QĐ-UB ngày 17/11/1988 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Bến đậu xe vận tải hàng hóa của Campuchia địa chỉ tại xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

1997

Ngày 03/10/1997, theo Quyết định số 5369/QĐ-UB-KT của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bến xe Vận tải Hóc Môn được chuyển từ đơn vị sự nghiệp kinh tế sang doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh.

1999

Bến xe Vận tải Hóc Môn được đổi tên thành Công ty Bến bãi Vận tải Hàng hoá Thành phố theo Quyết định của UBND Tp. HCM số 3661/QĐ-UB-KT ngày 24 tháng 06 năm 1999.

2002

Theo Quyết định của UBND Tp. HCM số 544/QĐ-UB ngày 05 tháng 02 năm 2002, Công ty Bến bãi Vận tải Hàng hoá Thành phố lại được đổi tên thành Công ty Bến bãi Vận tải Thành phố.

2006

Sau thời gian thực hiện Cổ phần hoá, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn theo Quyết định số 5927/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2005.

2015

Đầu tháng 12/2015, Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM với mã chứng khoán là **TPS**.

2017

CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng, nâng mức vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.

2020

Hoàn thành dự án bến xe An Sương (giai đoạn 1) và đưa vào khai thác.

2022

Công ty đã đưa vào sử dụng giai đoạn đầu của dự án bến xe An Sương (03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ) và thực hiện xong hồ sơ quyết toán giai đoạn đầu tư của dự án.

2023

Phối hợp với Trung Tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ và các đơn vị liên quan như PC08, Thanh tra Giao thông đưa vào vận hành hạng mục công trình "Mở dải phân cách Quốc lộ 1A trước cổng ra Bến xe Ngã tư Ga.

2024

Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã triển khai các phần mềm quản lý tiên tiến về kế toán, nhân sự, tiền lương, đưa vào sử dụng hệ thống UHF kiểm soát xe ra vào bến không dừng.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Các giải thưởng của Chính quyền

Năm 2024

Tổng Công ty Samco khen thưởng :"Công ty đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm 2024".

- UBND Thành phố tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2012, 2013
- Từ 2010 - 2014 được UBND Thành phố tặng Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Bộ GTVT tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2013, 2014
- Năm 2015 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền
- Từ 2010 - 2016 được UBND Thành phố Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"
- UBND Thành phố công nhận danh hiệu "Tập thể An toàn về An ninh trật tự" 4 năm liền (Kể từ năm 2015)
- Từ năm 2011 đến nay: Hằng năm Bến xe An Sương là bến xe văn hóa và Bến xe Ngã Tư Ga được công nhận là Bến xe An toàn – Văn minh.
- Ủy ban nhân dân Thành phố khen công nhận Bến xe Ngã Tư đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2023; Bến xe An Sương đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2023. Công an Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận Bến xe An Sương đạt đơn vị điển hình tiên tiến về PCCC năm 2023. Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn khen tặng Bến xe An Sương đạt thành tích xuất sắc trong công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2023.

Các giải thưởng của Đảng đoàn thể

- Công đoàn: nhiều năm liền đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc
- Đoàn Thanh niên Công ty đạt danh hiệu cơ sở đoàn xuất sắc, được Thành đoàn tặng cờ thi đua xuất sắc
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng Đảng bộ Công ty đã có thành tích xuất sắc trong việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2024.
- Đảng bộ Tổng Công ty khen thưởng Đảng bộ Công ty hoàn thành tốt công tác kết nạp Đảng viên năm 2024; Đảng bộ Công ty đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu năm 2024; Uỷ ban kiểm tra Đảng Uỷ Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát năm 2024.
- Công đoàn và Đoàn Thanh niên đều được tổ chức cấp trên đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Công đoàn Tổng Công ty khen thưởng "đã có thành tích xuất sắc trong công tác Phong trào thi đua "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" năm 2024; Khen thưởng công đoàn Công ty đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua " Xanh sạch đẹp an toàn vệ sinh lao động năm 2024", Công đoàn cơ sở vững mạnh.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty: Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải. Dưới đây là 1 số dịch vụ kinh doanh của Công ty

STT	Mã	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
2	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
3	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
4	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5	5225 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
6	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
7	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
8	4542	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
9	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: xăng dầu và các sản phẩm liên quan
10	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
11	4791	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
12	4921	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành
13	4922	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
14	4929	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
15	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng (xe trung chuyển).
16	5224	Bốc xếp hàng hóa
17	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
18	5590	Cơ sở lưu trú khác
19	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
20	5629	Dịch vụ ăn uống khác
21	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
22	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuêChi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở,nhà và đất không để ở, kinh doanh bất động sản khác.
23	7310	Quảng cáo
24	7710	Cho thuê xe có động cơ
25	7912	Điều hành tua du lịch
26	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
27	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, với **Bến xe An Sương** ở huyện Hóc môn và **Bến xe Ngã Tư Ga** ở quận 12.

Bến xe Ngã Tư Ga

Địa chỉ: 720, Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, P.Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM.

Điện thoại: 028 2237 8686

Bến Xe Ngã Tư Ga có **diện tích khoảng 2,7 ha**, nằm ở vị trí sát với trục giao thông quốc lộ 1A, đường Hà Huy Giáp, gần với khu dân cư và các khu công nghiệp quan trọng của TP.HCM và tỉnh Bình Dương, thuận lợi cho nhu cầu của khách hàng đi lại trên các tuyến miền Bắc, miền Trung, miền Tây, miền Đông Trung Bộ, và các tỉnh Cao Nguyên. Bến xe Ngã Tư Ga hiện có 70 đơn vị vận tải đang hoạt động, khai thác trên 82 tuyến với số lượng khoảng 509 xe.

Bến xe An Sương

Địa chỉ: Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 2238 8686

Bến xe An Sương tổng **diện tích khoảng 1,7ha (vẫn đang tiếp tục được đầu tư mở rộng)**. Bến xe được trang bị đầy đủ các tiện ích phục vụ hành khách như: Phòng chờ rộng rãi, quầy vé, lối ra xe có mái che, căn tin, bãi đậu xe, và các dịch vụ hỗ trợ khác. Bến xe An Sương hiện có 119 đơn vị vận tải đang hoạt động, khai thác trên 104 tuyến với số lượng khoảng 857 xe.

Công ty Không có Công ty con và Công ty liên kết

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Căn cứ theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, TPS lựa chọn mô hình tổ chức:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc

Sơ đồ bộ máy tổ chức và điều hành

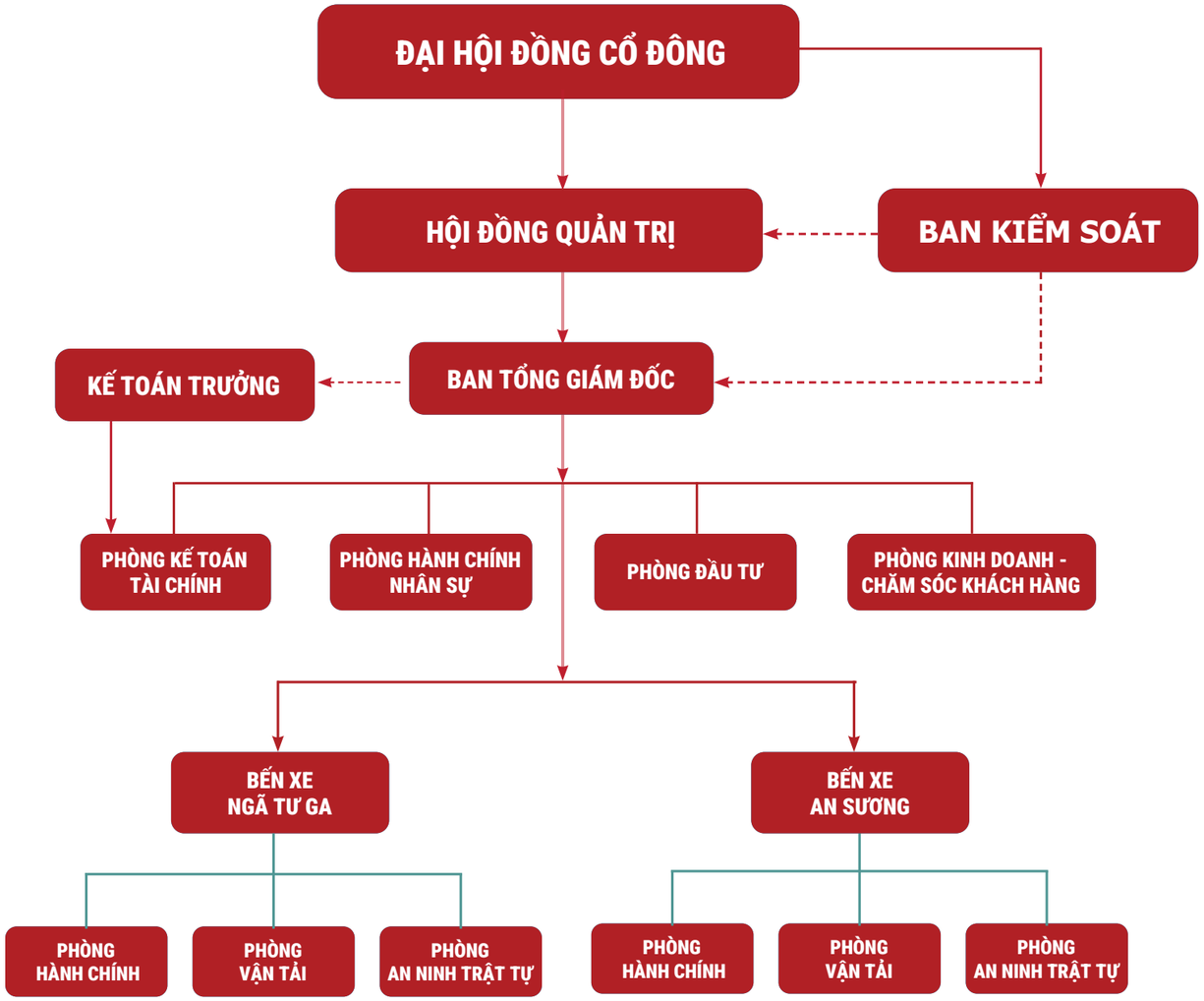

Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Ban kiểm soát: Là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban Tổng Giám đốc: là cơ quan điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động Kế toán – Tài chính của Công ty theo Quy chế tài chính của Công ty và các quy định của pháp luật về công tác kế toán, tài chính.

Phòng Kế Toán – Tài Chính: tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực kế toán, tài chính; chứng khoán.

Phòng hành chính nhân sự: tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc quản lý và điều hành các mặt công tác về tổ chức nhân sự, ISO; đào tạo dạy nghề và phát triển nguồn nhân lực; quản lý công tác tiền lương; Bảo hộ lao động; hành chính và quản trị; thi đua và khen thưởng; phòng chống cháy nổ và trật tự - an ninh; công tác pháp chế của Công ty; công tác quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất; lưu trữ hồ sơ pháp lý của Công ty.

Phòng Kinh doanh - Chăm sóc khách hàng: tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc công tác lập, tổng hợp kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về đầu tư phát triển và điều hành các hoạt động kinh doanh để mang lại hiệu quả cao; thực hiện công tác phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.

Phòng Đầu tư: tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc để thực hiện các nghiệp vụ về quản lý, điều hành các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, duy tu sửa chữa công trình của Công ty, thực hiện công tác công nghệ thông tin.

Bến xe: Đơn vị trực thuộc Công ty, hạch toán kinh tế phụ thuộc, có chức năng quản lý, khai thác kinh doanh cơ sở hạ tầng của Bến trên cơ sở cung ứng các dịch vụ đối với phương tiện vận tải hàng hóa, hành khách, lái xe và người phục vụ theo xe ra vào và lưu đậu trong phạm vi Bến. Hiện tại Công ty đang vận hành hai bến xe là Bến xe Ngã Tư Ga và Bến xe An Sương. Mỗi bến xe được điều hành bởi Ban điều hành bến xe và các phòng chức năng riêng, như sau:

- **Phòng Hành chính:** tham mưu và giúp Ban Giám đốc Bến xe thực hiện các công tác tại Bến xe về hành chính quản trị.
- **Phòng Vận tải:** Là bộ phận nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp cho Ban Giám đốc Bến xe về xây dựng kế hoạch SXKD, xây dựng và theo dõi Hợp đồng xe khách tuyến cố định, thực hiện chức năng thu các khoản thu dịch vụ trong hoạt động SXKD của bến xe theo quy định, tổ chức điều hành phương tiện, tổ chức, nhận uỷ thác bán vé cho hành khách. Tham mưu cho Ban Giám đốc Bến xe vấn đề liên quan đến nghiệp vụ tài chính, các công tác thu phí dịch vụ tại Bến.
- **Phòng An ninh trật tự:** tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc Bến xe về công tác bảo vệ tài sản, trật tự - an ninh, phòng chống cháy nổ và vệ sinh tại Bến, kiểm soát phương tiện ra vào Bến.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn luôn lấy phương châm "Phục vụ để phát triển, phát triển để phục vụ" làm kim chỉ nam trong mọi hoạt động. Với mục tiêu này, Công ty không ngừng nỗ lực mang đến cho khách hàng và đối tác những dịch vụ tối ưu nhất, đảm bảo chất lượng vượt trội, sự thuận tiện tối đa và chi phí hợp lý. Bên cạnh các lĩnh vực kinh doanh, Công ty bắt đầu mở rộng các dịch vụ khác như thương mại, mua sắm, vui chơi giải trí,... nhằm nâng cao trải nghiệm của hành khách và thu hút thêm sự hợp tác từ các đối tác vận tải và dịch vụ. Một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bao gồm tối ưu hóa nguồn vốn, thực hiện triệt để các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, và tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch; Nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao vẻ mỹ quan của Bến xe; Đồng thời áp dụng hệ thống Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều , hướng tới hệ thống vận hành hiện đại, hiệu quả, tối ưu nhất.

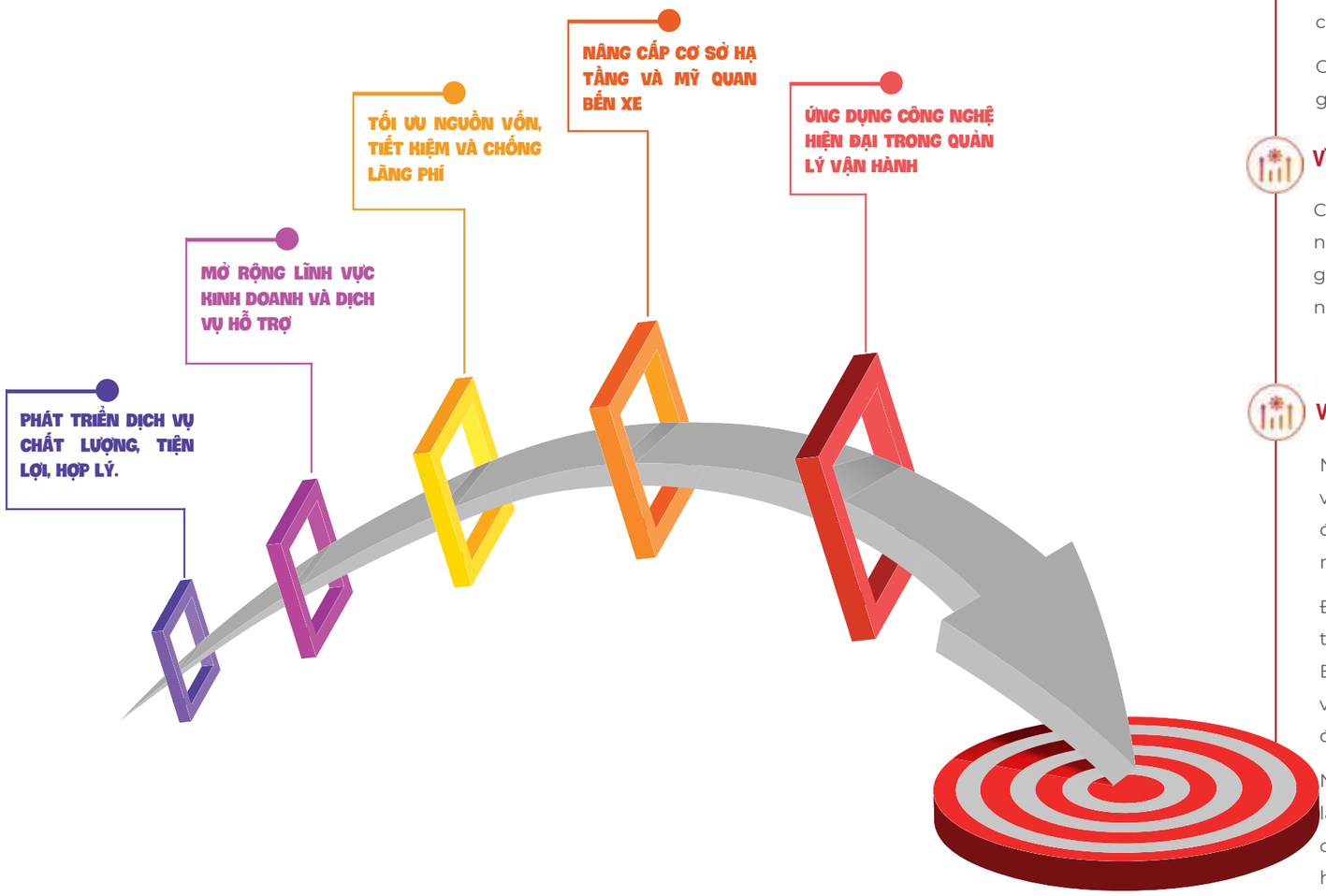

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tập trung vào việc củng cố nội lực vững chắc, đồng thời thích ứng linh hoạt với những biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới. Điều này tối ưu hóa lợi ích bền vững cho Công ty đảm bảo phát triển ổn định trong dài hạn.

Về hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ

Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng thương mại với các đối tác, khách hàng tại hai Bến xe, đồng thời điều chỉnh đơn giá dịch vụ phù hợp với tình hình thực tế. Công ty tập trung cải tạo, tối ưu mặt bằng, bổ sung tiện ích, quy hoạch và sắp xếp khu vực tác nghiệp hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng phục vụ hành khách.

Bên cạnh đó, công ty đẩy mạnh đào tạo kỹ năng giao tiếp, nâng cao tác phong phục vụ chuyên nghiệp, văn minh, lịch sự. Đồng thời, duy trì và tăng cường quan hệ với khách hàng, đặc biệt là các đối tác lớn, lâu năm, tổ chức khảo sát sự hài lòng để cải thiện chất lượng dịch vụ.

Cuối cùng, công ty chú trọng hiện đại hóa dịch vụ, phát triển phần mềm bán vé điện tử và thanh toán online, giúp khách hàng mua vé và thanh toán nhanh chóng, tiện lợi.

Về công tác tài chính

Công ty tăng cường quản lý tài chính và kiểm soát nội bộ, siết chặt công tác quản lý công nợ và tuân thủ nghiêm các quy định nhằm đảm bảo nền tảng tài chính vững chắc. Song song đó, hoạt động phân tích, đánh giá tài chính được đẩy mạnh để đưa ra kế hoạch triển khai phù hợp. Đồng thời, việc bảo toàn và tối ưu hóa nguồn vốn cũng được chú trọng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động.

Về công tác nhân sự - đào tạo

Nhân sự là yếu tố cốt lõi, quyết định trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Công ty. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển bền vững, Công ty đặc biệt chú trọng đào tạo và nâng cao chất lượng nhân sự, tập trung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và rèn luyện kỹ năng mềm.

Để đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực làm việc, Công ty tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thực tập phương án cứu hộ, cứu nạn... Bên cạnh đó, Công ty chủ động đổi mới công tác sắp xếp và luân chuyển nhân sự, đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên được bố trí phù hợp với năng lực và sở trường. Nhờ đó, hiệu quả công việc được nâng cao, năng suất lao động được tối ưu hóa, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty không ngừng hoàn thiện chính sách lương thưởng và kỷ luật nhằm tạo động lực để người lao động phát huy tối đa khả năng, gắn bó lâu dài. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, giúp nhân viên yên tâm cống hiến, góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Các mục tiêu phát triển bền vững

Môi trường

- Tăng cường công tác vệ sinh, đảm bảo sạch sẽ tại các bến xe để tạo môi trường xanh, sạch, và an toàn cho hành khách;
- Triển khai kế hoạch trồng cây xanh trong khuôn viên bến xe nhằm cải thiện chất lượng không khí và tạo không gian xanh mát;
- Xây dựng chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho hành khách và đối tác vận tải tại bến xe.

Xã hội và cộng đồng

- Nâng cao trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, thông qua các hoạt động như xây dựng nhà tình nghĩa và hỗ trợ trẻ em khó khăn;
- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, lịch sự và trách nhiệm cho đội ngũ nhân viên phục vụ tại bến xe;
- Xây dựng nền tảng số hóa, cung cấp thông tin về giao thông, vé đi lại, và các tiện ích khách hàng, hướng tới tạo môi trường văn minh, hiện đại tại bến xe.

Đảm bảo an toàn tại bến xe

- Định kỳ rà soát và bảo trì tất cả các hệ thống an toàn cơ sở hạ tầng tại bến xe, bao gồm hệ thống điện, chống sét, thoát nước, và công tác phòng cháy chữa cháy.
- Nâng cao tiêu chuẩn đảm bảo an ninh cho hành khách bằng cách lắp đặt hệ thống camera an ninh tiên tiến tại các khu vực trọng yếu trong bến xe.
- Chuẩn bị kế hoạch ứng phó khẩn cấp và tăng cường công tác phòng chống thiên tai trong mùa mưa bão, bao gồm việc kiểm tra cống rãnh, chặt tỉa cây xanh, và gia cố các công trình tạm thời.
- Nâng cấp cơ sở vật chất nhằm mở rộng và tối ưu hóa quy mô bến xe, đảm bảo tạo ra không gian tiện nghi, hiện đại, và an toàn cho hành khách.
- Nâng cấp các khu vực đón trả khách nhằm nâng cấp trải nghiệm của hành khách khi sử dụng dịch vụ.

RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Rủi ro kinh tế

Năm 2024, tình hình thế giới phức tạp với xung đột gia tăng, cạnh tranh giữa các nước lớn, và nợ công cao. Thiên tai cũng tác động xấu đến nhu cầu dân cư và tình hình kinh tế. Dù vậy, kinh tế toàn cầu đang dần ổn định với cải thiện trong thương mại và hồi phục thị trường lao động. Theo tổng cục thống kê, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, là một dấu hiệu tích cực so với năm trước khi nền kinh tế các ngành đang dần trở lại trạng thái ổn định. Đặc biệt, khu vực dịch vụ chiếm phần lớn tỷ trọng làm tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, trong đó các hoạt động thương mại, du lịch chuyển biến tốt, như ngành ngành vận tải, kho bãi tăng 10,82%, cao thứ hai so với tổng các ngành dịch vụ. Nhìn chung năm 2024, khách quốc tế đến nước ta đạt 17,6 triệu lượt người, tăng 39,5% so với năm trước và bằng 97,6% năm 2019 – năm chưa bị dịch Covid-19. Là một doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi giá trị ngành vận tải hành khách và hàng hoá đường bộ, các doanh nghiệp kinh doanh bến bãi vận tải nói chung và Công ty nói riêng được hưởng lợi từ lượng khách du lịch cũng như nhu cầu di chuyển của người dân tăng cao. Vận tải hành khách ước đạt 5.067,6 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 8,3% so với năm trước và luân chuyển đạt 275,4 tỷ lượt khách.km, tăng 11,6%, do lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng trở lại. Vận tải hàng hóa ước đạt 2.670,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14,0% so với năm trước và luân chuyển 545,1 tỷ tấn.km, tăng 11,8%.

Những diễn biến kinh tế ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực bến bãi vận tải phục vụ xe chở hành khách và hàng hóa. Khi nền kinh tế phục hồi, nhu cầu di chuyển gia tăng, kéo theo lượng xe ra vào bãi cũng tăng lên, mang lại cơ hội tích cực cho Công ty. Do đó, Công ty cần tận dụng giai đoạn này để triển khai các chiến lược phát triển, nhằm tối ưu hóa lợi ích và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn, được thành lập và giao dịch trên sàn UPCoM, phải tuân thủ hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động và đặc biệt là Luật Giao thông Đường bộ do đặc thù ngành vận tải. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh tuân thủ quy định và giảm thiểu rủi ro pháp lý, Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi trong luật pháp liên quan. Đối với những vấn đề pháp lý phức tạp, Công ty chủ động hợp tác với đơn vị tư vấn để tìm ra giải pháp hiệu quả, đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn.

Rủi ro cạnh tranh

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đang phải đối mặt với sự cạnh tranh từ Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây, cùng với các bến xe tư nhân và hoạt động "xe dù" tự phát. Hai bến xe lớn nhất này có mạng lưới vận tải rộng khắp cả nước, trong khi sự xuất hiện của "xe dù" và bến cóc đã tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh, ảnh hưởng đến trật tự giao thông và mỹ quan đô thị. Công ty không chỉ cạnh tranh với các đối thủ trong ngành đường bộ mà còn với các phương thức vận tải khác như đường sắt, hàng không giá rẻ và tàu metro bắt đầu hoạt động vào tháng 12 năm 2024. Để nâng cao sức cạnh tranh, Công ty đang tích cực nâng cấp và hiện đại hóa hai bến xe của mình, không chỉ tập trung vào cơ sở hạ tầng mà còn cải thiện quản lý. Công ty đã triển khai hệ thống quản lý vận hành hiện đại và xây dựng quy trình phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho hành khách. Việc nâng cấp này là bước đi chiến lược quan trọng, giúp Công ty củng cố vị thế trên thị trường vận tải hành khách.

Rủi ro về khả năng đáp ứng dịch vụ

Thành phố Hồ Chí Minh, với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng và dân số đông đúc, đang phải đối mặt với tình trạng giao thông ngày càng tắc nghẽn, không chỉ trong giờ cao điểm mà cả những thời điểm khác. Tình trạng này ảnh hưởng tiêu cực đến trải nghiệm của hành khách khi sử dụng dịch vụ vận tải của Công ty, khiến họ phải chờ đợi và di chuyển lâu, gây cảm giác mệt mỏi và khó chịu. Điều này có thể dẫn đến việc hành khách tìm kiếm phương tiện khác, gián tiếp tác động đến hoạt động của Công ty. Để cải thiện tình hình giao thông, Công ty đã cử cán bộ trật tự hỗ trợ điều phối giao thông tại khu vực cổng bến xe, giúp xe cộ lưu thông dễ dàng hơn. Đồng thời, Công ty cũng đang lên kế hoạch mở rộng bến xe nhằm giảm thiểu tình trạng kẹt xe, tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện di chuyển.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập, thiên tai, đại dịch và các yếu tố tự nhiên luôn tiềm ẩn nhiều lo ngại cho doanh nghiệp, đặc biệt là trong ngành vận tải. Công ty, với hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực này, sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề khi xảy ra thiên tai hay lũ lụt. Dù các rủi ro này không thường xuyên xảy ra, nhưng khi chúng xảy ra, tác động đến hoạt động kinh doanh có thể rất lớn, đặc biệt là nguy cơ hỏa hoạn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Cụ thể, mưa lũ và sạt lở vào cuối năm tại các tỉnh miền Trung có thể ảnh hưởng đáng kể đến lượng xe và khách trên các tuyến đi đến miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, gây trì trệ cho các chuyến xe ra vào bến. Vì vậy, để đối phó với những thách thức đặc thù này, Công ty cần chủ động xây dựng các kế hoạch hợp lý nhằm nhanh chóng thích ứng với điều kiện môi trường.

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH 2024/ KH 2024 (%)	TH 2024/ TH 2023 (%)
A	**SẢN LƯỢNG**						
I	Xe khách liên tỉnh						
1	Xe xuất bến	lượt	175.038	183.694	214.356	116,69	122,46
2	Hành khách qua bến	lượt	840.251	893.707	1.028.006	115,03	122,35
II	Phương tiện lưu đậu	lượt	434.597	379.275	502.873	132,59	115,71
III	*Xe hai bánh chở hàng hoá*	lượt	1.070.052	1.022.893	1.166.707	114,06	109,03
IV	Xe buýt						
1	Xe xuất bến	lượt	498.162	493.928	567.221	114,84	113,86
2	HK nội tỉnh qua bến	lượt	3.094.555	3.031.544	3.512.817	115,88	113,52
B	**TỔNG DOANH THU**	**1.000đ**	**71.555.542**	**74.200.000**	**87.272.976**	**117,62**	**121,97**
C	**LỢI NHUẬN**						
1	Trước thuế	1.000đ	31.270.820	33.550.124	40.013.050	119,26	127,96
2	Sau thuế	1.000đ	24.899.900	26.730.099	31.879.243	119,26	128,03

Theo Tổng cục thống kê, ngành vận tải năm 2024 ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể, với vận tải hành khách ước đạt khoảng 5.067,6 triệu lượt khách, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Vận tải hàng hóa trong năm đạt khoảng 2.670,6 triệu tấn, tăng 14,0% so với cùng kỳ, cùng với khối lượng luân chuyển đạt 545,1 tỷ tấn.km, tăng 11,8% so với cùng kỳ.

Tổng doanh thu năm 2024 vượt 17,62% so với kế hoạch và tăng 21,97% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế vượt 19,26% kế hoạch và tăng 28,03% so với năm trước. Công ty cũng tăng cường đóng góp cho ngân sách nhà nước, đồng thời nâng cao thu nhập cho người lao động.

Nhìn chung, tình hình kinh doanh của công ty năm 2024 rất khả quan và có triển vọng tích cực. Công ty đã tận dụng tốt sự phục hồi của ngành vận tải để đạt được kết quả ấn tượng. Tuy nhiên, để duy trì đà tăng trưởng, công ty cần tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa chi phí, đa dạng hóa hoạt động và ứng dụng công nghệ vào quản lý.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2023	Giá trị năm 2024	% Năm 2024/2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.882	84.666	122,91%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	2.638	2.219	84,12%
Doanh thu khác	35	386	1102,86%
Tổng cộng	**71.555**	**87.271**	**121,96%**

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ngô Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	538.635	10,77%
2	Trần Hiếu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	-
3	Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT	4.062	0,08%
4	Nguyễn Xuân Điền	Thành viên HĐQT	-	-
5	Đỗ Thị Thanh Thúy	Thành viên HĐQT	-	-

Thay đổi trong Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đỗ Thị Thanh Thúy	Thành viên HĐQT	25/04/2025	-

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông Ngô Quang Trung

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 19/10/1976

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ: Cử nhân Tài chính

Số CP sở hữu cá nhân: 538.635 cổ phần, chiếm 10,77% VĐL

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

• 2000 – 2004:	Làm việc tại Canada
• 2005 – 2008:	Giám đốc phụ trách bán lẻ Công ty Cổ phần Vinamilk
• 2009 – Nay:	Nhân viên Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia
• 2016 – 2021:	Thành viên Hội đồng quản trị, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
• 2021 – Nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Ông Trần Hiếu

Thành viên HĐQT, TGĐ

Ngày sinh: 02/01/1981

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Trình độ: Thạc sĩ Quản lý Vận tải đường bộ

Số CP sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

• 2004 – 2005:	Quản lý vận tải HKCC, Q. Đội trưởng Công ty TNHH Vận tải TP.HCM
• 2005 – 2006:	Quản lý vận tải HKCC, Đội trưởng Công ty TNHH Vận tải TP.HCM
• 2006 – 2009:	Quản lý vận tải HKCC, Đội trưởng đội xe 1 Công ty TNHH Vận tải TP.HCM
• 2011 – 2013:	Phó Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
• 2013 – 2015:	Phó Giám đốc Bến xe An Sương CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
• 2016 – 2019:	Phó TGĐ Công ty kiêm GĐ Bến xe An Sương, CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
• 2016 – Nay:	Thành viên HĐQT CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
• 2019 – Nay:	Tổng Giám đốc CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Bà Lê Thúy Hằng
Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 30/04/1977

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Giám đốc kinh doanh - chăm sóc khách hàng

Trình độ: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

Số CP sở hữu cá nhân: 4.062 cổ phần, chiếm 0,08% VĐL

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

•	2000 – 2002:	Cán bộ trật tự xây dựng – Kiêm phụ trách hộ tịch UBND Phường Tân Thới Hiệp
•	2002 – 2004:	Kế toán viên, UVBCH Đoàn phường, Phó Chủ tịch Hội LHPN UBND Phường Tân Thới Hiệp
•	2004 – 2009:	Nhân viên kế toán CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
•	2010 – 2011:	Phó phòng Kế toán Tài chính, Thành viên BKS, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
•	2011 – 2014:	Phó phòng Kế toán Tài chính, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
•	2015 – 2023:	Trưởng phòng KHĐT, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty
•	2024 - nay:	Giám đốc kinh doanh - chăm sóc khách hàng, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty

Ông Nguyễn Xuân Điền
Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 04/09/1977

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT

Trình độ: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

Số CP sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Phó Chánh văn phòng Tổng Công ty SAMCO

Quá trình công tác:

•	2002 – 2015:	Nhân viên phụ trách đào tạo thuộc Phòng Kỹ thuật - Thiết kế - Công nghệ
•	2005 – 2006:	Nhân viên nghiên cứu thị trường thuộc Bộ phận Nghiên cứu thị trường & Phát triển sản phẩm, Tổng Công ty SAMCO
•	2006 – 2010:	Chuyên viên nghiên cứu thị trường thuộc Phòng Marketing, Tổng Công ty SAMCO
•	2010 – 2012:	Trưởng Bộ phận Truyền thông thuộc Phòng Marketing, Tổng Công ty SAMCO
•	2012 – 2017:	Phó Giám đốc Marketing Tổng Công ty SAMCO
•	2017 – Nay:	Phó Chánh văn phòng Tổng Công ty SAMCO
•	2019 – Nay:	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Bà Đỗ Thị Thanh Thúy
Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 08/03/1982

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT

Trình độ: Cử nhân Kế toán Tài Chính

Số CP sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng gia

Quá trình công tác:

•	Từ 2011 - 02/2023:	Làm việc tại Công ty Cổ phần Masan MeatLife.
•	Từ tháng 03/2023 - nay:	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng gia.
•	Từ 25/04/2024 - nay:	Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Vũ Anh Thư	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Võ Anh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Trịnh Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Thay đổi trong Ban kiểm soát

Không có

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Vũ Anh Thư

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 08/11/1990

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ: Cử nhân Kế toán

Số CP sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

• 2013 – Nay:	Chuyên viên Kế toán Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV
• 2021 – 01/11/2023:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
• 01/11/2023 – nay:	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Ông Võ Anh Đức

Thành viên BKS

Ngày sinh: 05/10/1972

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Số CP sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: PGiám định viên -Trưởng trạm Công ty Cổ phần FCC

Quá trình công tác:

• 1991 – Nay:	Giám định viên -Trưởng trạm Công ty Cổ phần FCC.
• 2016 – Nay:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Bà Trịnh Thị Lan Anh

Thành viên BKS

Ngày sinh: 03/11/1981

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ: Cử nhân Kế toán

Số CP sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Trưởng bộ phận Tổ chức và tuyển dụng Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên (Samco)

Quá trình công tác:

• 2014 - 2020:	Chuyên viên nhân sự Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.
• 2018 - 2021:	Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé.
• 2020 - Nay:	Trưởng bộ phận Tổ chức và Tuyển dụng Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.
• 11/12/2023 – nay:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trần Hiếu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	-
2	Bùi Thanh Tâm	Kế toán trưởng	-	-

Thay đổi trong Ban điều hành

Không có

Lý lịch thành viên Ban điều hành

Ông Trần Hiếu

Thành viên HĐQT, TGĐ

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị.

Bà Bùi Thanh Tâm

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 21/08/1980

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số CP sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

•	2020 – Nay:	Kế toán trưởng CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Số lượng cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2024

	Chỉ tiêu	Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	**Theo trình độ lao động**	**101**	**100,00%**
1	Trên Đại học	04	0,39%
2	Đại học, Cao đẳng	36	35,64%
3	Trung cấp	08	0,79%
4	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	0	-
5	Lao động phổ thông	53	52,47%
II	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**101**	**100,00%**
1	Không xác định thời hạn	74	73,2%
2	Có thời hạn từ 1 đến 3 năm	27	26,7%
III	**Theo giới tính**	**101**	**100,00%**
1	Nam	75	74,2%
2	Nữ	26	25,7%
	TỔNG CỘNG	**106**	**100,00%**

Tình hình thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động	101	106
Thu nhập bình quân (Đồng/Người/ Tháng)	20.600.000	22.920.000

Chính sách đối với người lao động

Lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước, Công ty đã xây dựng và triển khai các chính sách về lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ một cách toàn diện và minh bạch. Các chính sách này được thiết kế phù hợp với từng vị trí công việc, chức danh trong công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện điều chỉnh mức lương cơ bản theo đúng quy định về lương tối thiểu vùng và thực hiện đăng ký với cơ quan Bảo hiểm xã hội khi có bất kỳ sự thay đổi nào, ví dụ như đợt điều chỉnh từ ngày 01/07/2024. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng chính sách nâng bậc lương theo định kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt quy chế trả lương, thưởng đã được ban hành, nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch và tạo động lực cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch, Công ty đã xây dựng và áp dụng quy chế tuyển dụng chặt chẽ, minh bạch và công bằng. Quy chế này tạo điều kiện thu hút nhân tài, đồng thời đảm bảo lựa chọn được những ứng viên có năng lực, phẩm chất phù hợp, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách đào tạo

Trong năm 2024, Công ty đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, trong đó tập trung vào các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ công nhân viên (CBCNV). Song song với đó, Công ty cũng nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy bằng việc tổ chức định kỳ các buổi tập huấn về phòng cháy chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm khi có sự cố, cũng như huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động. Những hoạt động này không chỉ đảm bảo tuân thủ pháp luật mà còn nâng cao nhận thức và kỹ năng an toàn cho toàn thể nhân viên tại hai bến xe, góp phần tạo môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.

Môi trường làm việc

Công ty đã thực hiện đổi mới trong công tác quản lý nhân sự, cụ thể là trong việc bố trí và luân chuyển cán bộ, nhân viên. Việc phân công công việc được thực hiện dựa trên năng lực, sở trường của từng cá nhân, đảm bảo sự phù hợp và tối ưu hóa hiệu quả làm việc, đáp ứng tốt các yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Mục tiêu là tạo ra một môi trường làm việc tốt nhất, nơi người lao động có thể phát huy tối đa khả năng, yên tâm công tác và có mong muốn gắn bó, cống hiến lâu dài cho Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)

Công ty đã triển khai thực hiện một số công tác chuẩn bị đầu tư như: thực hiện khảo sát địa hình, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi; lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường ... trình các cơ quan thẩm quyền thẩm định.

Sở Giao thông Vận tải (nay là Sở giao thông Công chánh) đã thẩm định xong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi (Kết quả thẩm định theo văn bản số 91/SGTVT-VTĐB ngày 06 tháng 01 năm 2022). Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo văn bản số 9034/STNMT-CCBVMT ngày 22/12/2021) và đề nghị Chủ đầu tư rà soát lại pháp lý về chủ trương đầu tư (theo quy định của của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021).

Để có đầy đủ cơ sở pháp lý triển khai thực hiện dự án, Công ty tiếp tục rà soát các quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021) và các quy định pháp luật hiện hành để kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận cho Công ty tiếp tục làm chủ đầu tư thực hiện dự án "Mở rộng Bến xe An Sương" theo quy định của Luật đầu tư số 61/2020/QH14.

Các công tác khác

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang sạch đẹp, đảm bảo quy chuẩn quốc gia về bến xe khách.
- Tiếp tục phối hợp với Trung Tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Thanh tra Giao thông, Đội Cảnh sát giao thông Bình Triệu trong công tác vận hành hạng mục công trình "Mở dải phân cách Quốc lộ 1A trước cổng ra Bến xe Ngã tư Ga", tạo thuận lợi cho hành khách và phương tiện xuất bến, kiến nghị Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Giao thông công chánh) xem xét điều chỉnh nới rộng khung giờ mở dải phân cách di động để tạo thuận lợi hơn nữa cho các phương tiện xuất bến.

Công ty con, Công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
Tổng giá trị tài sản	109.162.941.720	122.791.003.695	112,48%
Doanh thu thuần	68.881.952.832	84.666.956.795	122,92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.239.663.379	39.654.143.344	126,94%
Lợi nhuận khác	31.156.916	358.907.088	1.151,93%
Lợi nhuận trước thuế	31.270.820.295	40.013.050.432	127,96%
Lợi nhuận sau thuế	24.899.899.622	31.879.242.685	128,03%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25%	Dự kiến 25% (*)	-

(*) Tỷ lệ dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,59	4,10
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,59	4,10
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	15,65%	14,60%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	18,56%	17,10%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,63	0,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	36,15%	37,65%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	29,41%	32,38%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	27,04%	30,40%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	45,35%	46,84%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2024, cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty đều tăng đáng kể từ 3,59 lên 4,10, phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn được cải thiện rõ rệt. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc Công ty tăng cường các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, làm tăng lượng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao. Sự đồng nhất giữa hai hệ số phản ánh đúng đặc thù ngành nghề của Công ty không duy trì hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản. Với các chỉ số này, Công ty đảm bảo khả năng thanh toán và duy trì tình hình tài chính vững chắc.

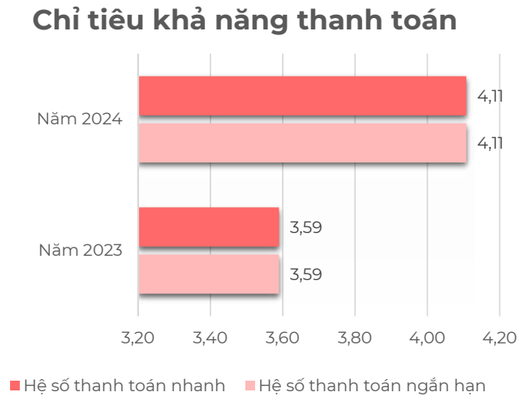

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Đối với vòng quay Tổng tài sản, năm 2024 chỉ số này đã tăng nhẹ khoảng 0,06 lần so với năm 2023. Đây là chuyển biến tích cực khi chỉ số đang dần phục hồi so với các năm sau khi đại dịch kết thúc, khi nhu cầu du lịch của khách quốc tế và nội địa được phục hồi và tăng mạnh trong năm 2024. So với năm 2023, doanh thu thuần tăng hơn 23% nhờ Việt Nam ngày càng tạo điều kiện thuận lợi cho kích cầu mảng du lịch và thành công trong quảng bá du lịch đến các nước. Đồng thời, Công ty đã tận dụng thời cơ đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước đang được phục hồi.

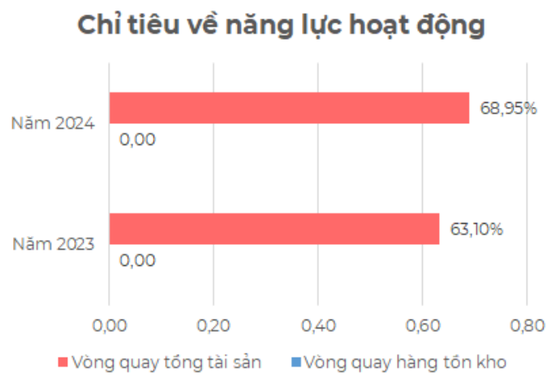

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng Tài sản: Năm 2024, hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, từ 15,65% xuống 14,60%, đến từ sự tăng trưởng trong tổng tài sản của Công ty. Nhờ hiệu quả hoạt động kinh doanh được cải thiện và khả năng tạo ra dòng tiền mạnh mẽ. Doanh nghiệp đã ưu tiên sử dụng nguồn lực này một cách hiệu quả, thông qua các khoản đầu tư tài chính, từ đó củng cố thêm vị thế tài chính vững mạnh.

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: Tương tự, hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm so với cùng kỳ, từ 18,56% xuống 17,10% trong năm 2024. Cơ cấu này cho thấy Công ty ít phụ thuộc vào nợ vay, có mức độ tự chủ tài chính cao, và giảm thiểu rủi ro tài chính, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh trong năm 2024.

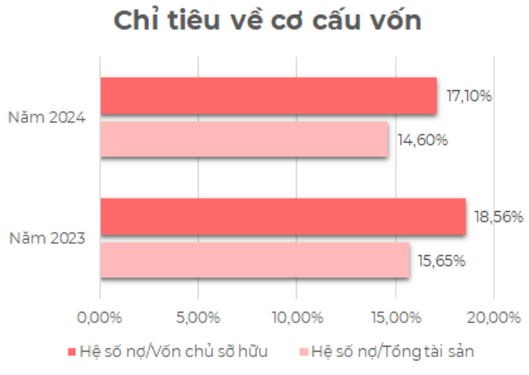

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2024, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng trưởng đáng kể so với năm 2023, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Cụ thể, các hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân đều tăng, cùng với hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần. Sự tăng trưởng đồng đều này chứng minh hoạt động kinh doanh năm 2024 đạt được những thành quả tích cực, thể hiện khả năng quản lý hiệu quả và tận dụng tốt các cơ hội thị trường.

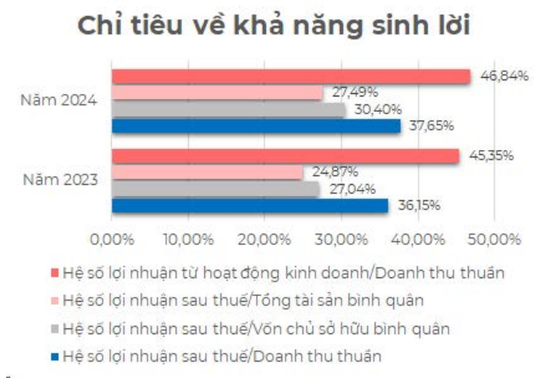

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin về cổ phiếu

5.000.000
cổ phần phổ thông đang lưu hành

Ngày **01/12/2015**, cổ phiếu Công ty cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

Mã cổ phiếu: **TPS**

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh các hoạt động liên quan đến tăng, giảm Vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được giữ nguyên ở mức 50.000.000.000 đồng.

Trong năm qua, Công ty cũng không phát sinh hoạt động Giao dịch cổ phiếu quỹ và Các chứng khoán có liên quan khác.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có phát sinh

Các chứng khoán khác

Không có phát sinh

Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách chốt tại ngày 31/12/2024)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	**Cổ đông Nhà nước**	**2.550.000**	**25.500.000.000**	**51,00%**
2	**Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI**	**-**	**-**	**-**
	- Trong nước	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-
3	**Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)**	**2.005.647**	**20.056.470.000**	**40,11%**
	- Trong nước	2.005.647	20.056.470.000	40,11%
	- Nước ngoài	-	-	-
4	**Công đoàn công ty**	**-**	**-**	**-**
	- Trong nước	**-**	**-**	**-**
	- Nước ngoài	**-**	**-**	**-**
5	**Cổ phiếu quỹ**		**-**	**-**
6	**Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)**		**-**	**-**
7	**Cổ đông khác**	**444.353**	**4.443.530.000**	**8,89%**
	- Trong nước	350.666	3.506.660.000	7,01%
	- Nước ngoài	93.687	936.870.000	1,87%
	TỔNG CỘNG	5.000.000	50.000.000.000	100,00%
	Trong đó: - Trong nước	**4.906.313**	**49.063.130.000**	**98,13%**
	- Nước ngoài	**93.687**	**936.870.000**	**1,87%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Danh sách cổ đông lớn

(Theo danh sách chốt tại ngày 31/12/2024)

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH Một thành viên	2.550.000	51,00%	Số 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Ngô Quang Hiển	455.012	9,10%	-
3	Mai Hồng Qùy	250.000	5,00%	-
4	Ngô Quang Trung	538.635	10,77%	-
5	Nguyễn Hương Giang	250.000	5,00%	-
6	Đoàn Thị Thúy Quỳnh	519.062	10,38%	-

03

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Tác động lên môi trường

Phát thải khí nhà kính

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn hiện đang quản lý và vận hành hai bến xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đó là Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga. Nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường, đặc biệt là vấn đề phát thải khí nhà kính (GHG), Công ty đã và đang triển khai các biện pháp cụ thể để kiểm soát và giảm lượng phát thải tại cả hai bến xe.

Hiện nay, Công ty đang tích cực hợp tác với các đơn vị tư vấn kỹ thuật có chuyên môn để tiến hành đo đạc, kiểm kê chi tiết lượng phát thải khí nhà kính tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga. Quá trình kiểm kê này sẽ được thực hiện một cách bài bản, khoa học, tuân thủ các tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc tế.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

- **Trồng cây xanh:** Phối hợp với các tổ chức môi trường thực hiện chương trình trồng cây xanh tại bến xe và khu vực lân cận để hấp thụ CO2, giảm tiếng ồn.
- **Tuyên truyền:** Nâng cao nhận thức của hành khách, đối tác, cán bộ nhân viên về tiết kiệm năng lượng, hạn chế rác thải.
- **Kiểm tra, xử lý rác thải:** Kiểm tra định kỳ, xử lý rác thải tự phát, giữ gìn vệ sinh môi trường.
- **Thay thế đèn tiết kiệm điện: T**hay thế bóng đèn cũ bằng đèn LED tiết kiệm điện.
- **Khuyến khích sử dụng công nghệ:** Khuyến khích đối tác ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa lộ trình, giảm tiêu hao nhiên liệu.
- **Sử dụng phương tiện điện/ít phát thải:** Trong tương lai, công ty sẽ xem xét ưu tiên các đối tác sử dụng phương tiện vận tải chạy điện hoặc ít phát thải.

Đổi mới trong quản lý

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng tới phát triển bền vững, từ năm 2022, Công ty đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình điều hành. Sự đổi mới này mang lại nhiều lợi ích thiết thực, bao gồm việc tối ưu hóa hoạt động vận hành của bến xe, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho hành khách và các đối tác. Cụ thể, việc số hóa quy trình đã góp phần giảm đáng kể lượng giấy tờ sử dụng, đồng thời giúp hành khách dễ dàng tra cứu thông tin, đặt vé và sử dụng các dịch vụ một cách nhanh chóng, tiện lợi. Bên cạnh đó, các đối tác của Công ty cũng được hưởng lợi từ việc kiểm soát hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, tăng cường tính minh bạch và thuận tiện trong công tác quản lý.

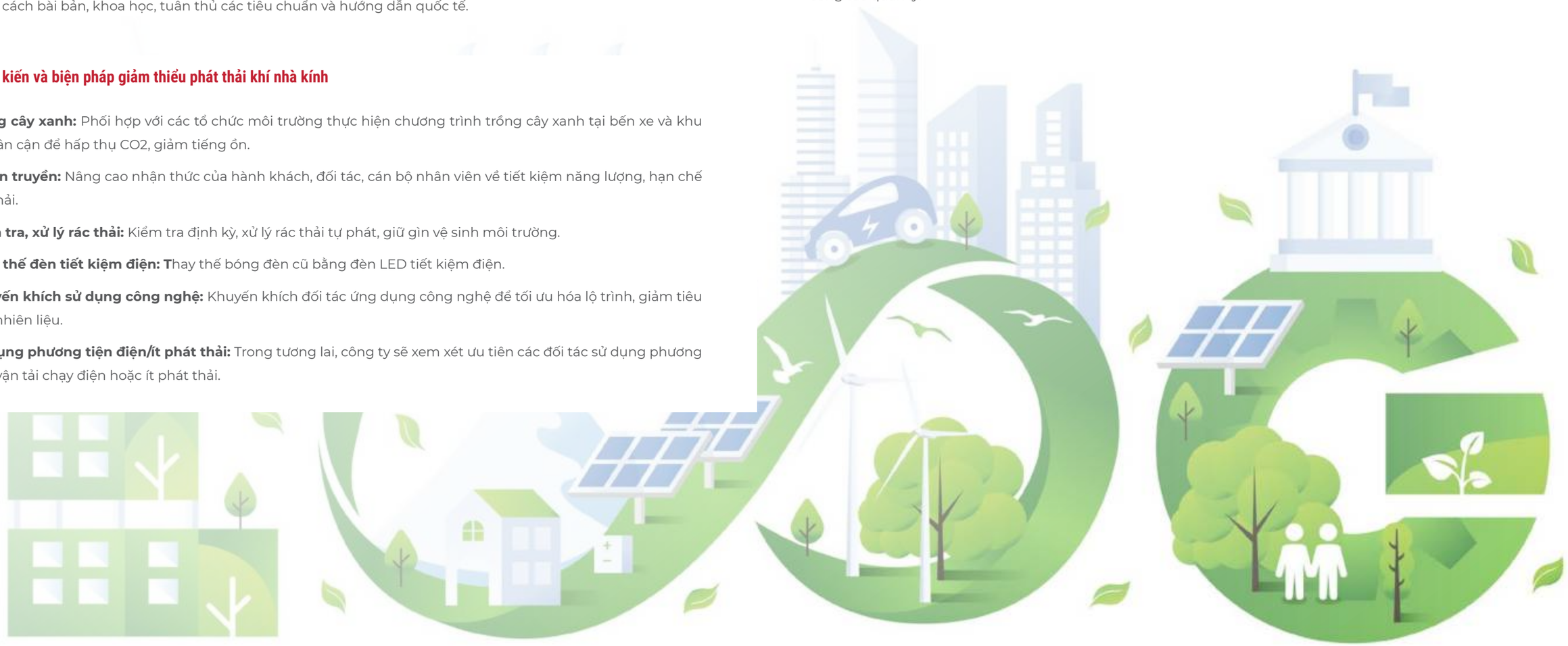

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn luôn chú trọng quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu trong hoạt động tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga. Các loại nguyên vật liệu chính bao gồm: văn phòng phẩm (giấy, mực in, bút...), vật tư vệ sinh (nước tẩy rửa, xà phòng, túi rác...), và vật tư bảo trì, sửa chữa (sơn, xi măng, sắt thép, thiết bị điện nước...).

Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu bền vững, các sản phẩm văn phòng phẩm có thành phần tái chế khi có thể. Đồng thời, Công ty thường xuyên vận động, tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm, tái sử dụng vật tư cho toàn thể cán bộ, nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty tích cực hợp tác với các nhà cung cấp để tìm kiếm và lựa chọn các sản phẩm thân thiện với môi trường, có khả năng tái chế. Quy trình mua sắm, sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu cũng được kiểm soát chặt chẽ để tránh lãng phí.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ

Bến xe An Sương và bến xe Ngã Tư Ga đều được cung cấp điện ổn định bởi Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, thông qua Công ty Điện lực Hóc Môn (đối với bến xe An Sương) và Công ty Điện lực An Phú Đông (đối với bến xe Ngã Tư Ga), cùng hệ thống đường dây hạ thế khu vực. Nguồn điện này đóng vai trò quan trọng, đảm bảo cho việc chiếu sáng và vận hành liên tục các hoạt động tại bến xe. Trong năm 2024, mức tiêu thụ điện của bến xe An Sương là 435.112 kWh và của bến xe Ngã Tư Ga là 248.292 kWh.

Tiết kiệm năng lượng

Công ty đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng. Cụ thể, hệ thống chiếu sáng được hiện đại hóa bằng việc thay thế toàn bộ đèn cũ sang đèn LED tiết kiệm điện. Công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng được đẩy mạnh tới toàn thể cán bộ nhân viên, hành khách và đối tác. Ngoài ra, Công ty khuyến khích các đối tác vận tải ứng dụng công nghệ mới để tối ưu quy trình, giảm tiêu hao nhiên liệu.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Các bến xe của công ty, bao gồm bến xe An Sương và bến xe Ngã Tư Ga, đều sử dụng nguồn nước cấp từ Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòm, mục đích sử dụng nước là để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của nhân viên tại bến xe.

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 tại bến xe An Sương là 6.883 m^3. Đối với bến xe Ngã Tư Ga, tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 là 11.310 m^3.

Tiết kiệm nước

Nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nước, Công ty triển khai một chiến lược toàn diện, kết hợp giữa các giải pháp kỹ thuật và nâng cao nhận thức trong toàn thể cán bộ nhân viên và cộng đồng: thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống cấp nước để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố rò rỉ, đảm bảo không thất thoát nước; đầu tư, thay thế dần các thiết bị vệ sinh hiện có bằng các thiết bị hiện đại, tiết kiệm nước.

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, Công ty chú trọng nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho toàn thể nhân viên, hành khách, đối tác thông qua các chương trình đào tạo, truyền thông; xây dựng quy định nội bộ, hướng dẫn sử dụng nước tiết kiệm; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá lượng nước tiêu thụ tại các khu vực và có hình thức khen thưởng các cá nhân, bộ phận thực hiện tốt, đồng thời nhắc nhở, xử lý các trường hợp vi phạm. Mục tiêu là xây dựng văn hóa tiết kiệm nước trở thành một phần không thể thiếu trong mọi hoạt động của Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Đánh giá tác động của các hoạt động cốt lõi

Hoạt động của xe buýt và xe khách

Hoạt động này tiềm ẩn các rủi ro về khí thải (từ xe), tiếng ồn (động cơ, còi xe), rò rỉ nhiên liệu và nước thải (khi vệ sinh xe). Để giảm thiểu, công ty khuyến khích xe đạt chuẩn khí thải cao, bảo dưỡng xe định kỳ, tuân thủ quy định về tiếng ồn, có quy trình ứng phó sự cố tràn dầu và xử lý nước thải.

Dịch vụ ăn uống

Dịch vụ ăn uống tạo ra rác thải và nước thải. Công ty giải quyết bằng cách bố trí thùng rác, phân loại rác, nâng cao ý thức bỏ rác đúng chỗ, có hệ thống xử lý nước thải và tách dầu mỡ.

Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện

Phát sinh chất thải nguy hại (dầu nhớt, phụ tùng hỏng...), khí thải. Công ty tuân thủ quy định quản lý chất thải nguy hại, và trang bị đồ bảo hộ lao động.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Về tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường, nhìn chung Công ty luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các quy định, tuy nhiên trong năm 2024, chi nhánh Bến xe Ngã Tư Ga đã có sai sót nhỏ khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường không đúng thời hạn. Công ty đã nhanh chóng khắc phục bằng việc nộp phạt và đang hoàn thiện hồ sơ để xin cấp phép theo đúng quy định, thể hiện sự cam kết tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động: 106 người (tính đến 31/12/2024).
- Thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2024: 22.920.000 VNĐ/người/tháng

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty cam kết đặt sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động lên hàng đầu. Một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và hỗ trợ là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty và sự thành công của mỗi cá nhân. Chính sách này áp dụng cho tất cả nhân viên, không phân biệt vị trí hay loại hình hợp đồng.

Để đảm bảo an toàn, Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động. Công ty thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ, xây dựng quy trình làm việc an toàn, cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ, và tổ chức đào tạo về an toàn cho nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng đến sức khỏe của người lao động thông qua việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đảm bảo môi trường làm việc tốt, triển khai các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và cung cấp các chương trình chăm sóc sức khỏe.

Về phúc lợi, Công ty đảm bảo mức lương thưởng cạnh tranh, công bằng, minh bạch, các chế độ đãi ngộ theo quy định và có thể mở rộng thêm. Công ty khuyến khích sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực và ghi nhận những đóng góp của người lao động.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất, các bộ phận có liên quan triển khai triển khai, người quản lý trực tiếp giám sát và người lao động có trách nhiệm tuân thủ. Chính sách này được xem xét, đánh giá định kì để đảm bảo luôn phù hợp và hiệu quả.

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cụ thể:

- **Đào tạo dài hạn:** 2 cán bộ tham gia chương trình Trung cấp chính trị, 1 nhân viên tham gia chương trình liên thông đại học (khóa 2024-2025).
- **Đào tạo ngắn hạn:**
  - Đào tạo an toàn vệ sinh lao động: 101 người (1 ngày)
  - Đào tạo về ISO: 21 người (1 ngày)
  - Đào tạo đánh giá nội bộ ISO: 17 người (2 ngày)

Các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ nhân viên, đáp ứng yêu cầu công việc và phát triển bền vững của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong suốt hơn 30 năm hoạt động và phát triển, bên cạnh những thành công trong lĩnh vực kinh doanh, Công ty luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm xã hội và tích cực đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng địa phương. Cụ thể, Công ty thường xuyên triển khai các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn. Đồng thời, Công ty còn chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức các sự kiện cộng đồng, các giải đấu thể thao, không chỉ tạo ra sân chơi lành mạnh mà còn nhằm mục đích gây quỹ, trao học bổng và hỗ trợ các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, giúp các em có thêm điều kiện để tiếp tục con đường học tập.

04

Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thuận lợi

Năm 2024, ngành vận tải của Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19 và những tác động từ các xung đột quốc tế. Bức tranh kinh tế quốc gia có nhiều tín hiệu tích cực, với sự cải thiện rõ rệt ở nhiều chỉ số kinh tế. Trong đó, sự phục hồi của các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đã tạo ra điều kiện thuận lợi cho ngành vận tải. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất và nhu cầu đi lại của người dân, đặc biệt là trong các dịp lễ, Tết đã tăng mạnh, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng hành khách và lượt xe xuất bến tại hai bến xe của Công ty.

Các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương đã triển khai nhiều biện pháp nhằm cải thiện tình hình giao thông và đảm bảo an toàn trong hoạt động vận tải hành khách. Những giải pháp như tăng cường lực lượng thanh tra giao thông, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm giao thông, đặc biệt là việc cấm lưu thông các xe khách giường nằm vào nội đô, đã giúp giảm ùn tắc giao thông và tình trạng xe dừng đỗ sai quy định. Đồng thời, các đơn vị vận tải cũng đã chủ động đưa xe vào các bến chính thức nhiều hơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu tình trạng "xe dù", "bến cóc".

Năm 2024 có ý nghĩa rất quan trọng đối với Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020-2025. Với sự quyết tâm và chỉ đạo sát sao từ Ban lãnh đạo, Công ty đã triển khai các giải pháp hiệu quả để đảm bảo hoàn thành vượt mức mục tiêu kế hoạch năm 2024.

Khó khăn

Tuy nhiên, năm 2024 cũng là một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế nói chung và ngành vận tải nói riêng. Nền kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn. Xung đột Nga - Ukraine kéo dài đã gây ra sự biến động mạnh mẽ và không ổn định của giá năng lượng, đặc biệt là giá xăng dầu, trực tiếp tác động đến chi phí vận hành của các đơn vị vận tải.

Một trong những sự kiện tác động lớn đến ngành vận tải trong năm 2024 là cơn bão số 3 (Yagi) vào tháng 9. Cơn bão đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt là các tuyến Quốc lộ từ Thanh Hóa và các tỉnh phía Bắc. Điều này làm gián đoạn nghiêm trọng hoạt động vận tải, ảnh hưởng đến các tuyến xe từ miền Bắc tại hai bến xe của Công ty trong các tháng cuối năm.

Ngoài những yếu tố tác động từ thiên tai, ngành vận tải còn đối mặt với sự cạnh tranh không lành mạnh từ các phương tiện vận chuyển không tuân thủ quy định, như "xe dù", "bến cóc", và các xe hợp đồng trá hình (hoạt động như xe tuyến cố định). Các dịch vụ vận tải ứng dụng công nghệ, mặc dù mang lại sự tiện lợi cho người dân, nhưng cũng tạo ra sự cạnh tranh và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các đơn vị vận tải tại bến xe của Công ty.

Mặc dù Công ty đã triển khai các biện pháp như phối hợp với các đơn vị vận tải để thực hiện "Lệnh vận chuyển điện tử" và vé điện tử theo quy định, nhưng việc triển khai vẫn gặp phải một số khó khăn. Các quy định pháp luật liên quan đến việc ký kết lệnh vận chuyển điện tử chưa được cơ quan chức năng ban hành đầy đủ và rõ ràng. Sự thiếu đồng bộ trong kết nối hệ thống và việc truyền tải dữ liệu còn sai sót đã gây khó khăn cho các nhà xe, đơn vị vận tải, cũng như các bến xe. Một số bến xe đối lưu cũng chưa đủ điều kiện để thực hiện ký kết lệnh điện tử, dẫn đến việc triển khai gặp phải trở ngại lớn.

Những khó khăn lớn trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024. Tuy nhiên, nhờ sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty và các cơ quan chức năng, cùng sự đoàn kết, nỗ lực vượt khó của Ban lãnh đạo và toàn thể Người lao động, Công ty vẫn quyết tâm hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra. Công ty sẽ tiếp tục triển khai các biện pháp phù hợp để vượt qua khó khăn, thúc đẩy hoạt động vận tải an toàn, hiệu quả, và duy trì đà phát triển trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

Những tiến bộ đã đạt được

- Trong năm 2024, Công ty cũng ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình hoạt động kinh doanh nhằm đem lại trải nghiệm tốt nhất cho các hành khách và đối tác. Công ty đã cho xây dựng các khu vực để lắp đặt phần mềm tra cứu thông tin để hành khách dễ dàng tìm hiểu các thông tin cần thiết liên quan đến bến xe (thông tin chuyến xe, thời gian xuất bến, giá vé,...). Hoàn thiện hệ thống chấm công, tính lương, quản lý nhân sự và văn thư, ban hành Quy định quản lý chấm công bằng vân tay.
- Trong công tác quản lý và điều hành, Công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị ứ động, quá tải và luôn luôn đúng giờ, đúng chuyến.
- Trong công tác pháp chế, Công ty đã ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Ngoài ra, công ty cũng duy trì tốt các mối quan hệ với các đối tác và nhận được sự ủng hộ từ các cơ quan địa phương và cộng đồng xung quanh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	%2024/2023
Tài sản ngắn hạn	61.335.912.222	56,19%	73.648.379.985	59,98%	120,07%
Tài sản dài hạn	47.827.029.498	43,81%	49.142.623.710	40,02%	102,75%
Tổng tài sản	**109.162.941.720**	**100%**	**122.791.003.695**	**100,00%**	**112,48%**

Tổng tài sản của Công ty ghi nhận mức tăng từ 109.162 triệu đồng (năm 2023) lên 122.791 triệu đồng (năm 2024), tương đương mức tăng tổng tài sản của năm 2024 là 20,07% so với cùng kỳ. Đóng góp chính vào sự tăng trưởng này là tài sản ngắn hạn, với mức tăng đáng kể từ 61.335 triệu đồng lên 73.648 triệu đồng, chủ yếu đến từ các khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng thêm 6.705 triệu đồng, và khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 24.500 triệu đồng. Tài sản dài hạn cũng có mức tăng nhẹ, từ 47.827 triệu đồng (năm 2023) lên 49.142 triệu đồng (năm 2024.

So với cùng kỳ năm 2023, cơ cấu tài sản năm 2024 có sự dịch chuyển. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 56,19% lên 59,98%, cho thấy Công ty đang tăng cường các tài sản có tính thanh khoản cao. Ngược lại, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm từ 43,81% xuống 40,02%. Mặc dù có sự thay đổi nhỏ về tỷ trọng, nhìn chung cơ cấu tài sản của Công ty vẫn duy trì sự ổn định qua hai năm. Sự thay đổi nhỏ này cho thấy Công ty có xu hướng tăng nhẹ tính thanh khoản.

Biểu đồ cơ cấu tài sản năm 2023 - 2024

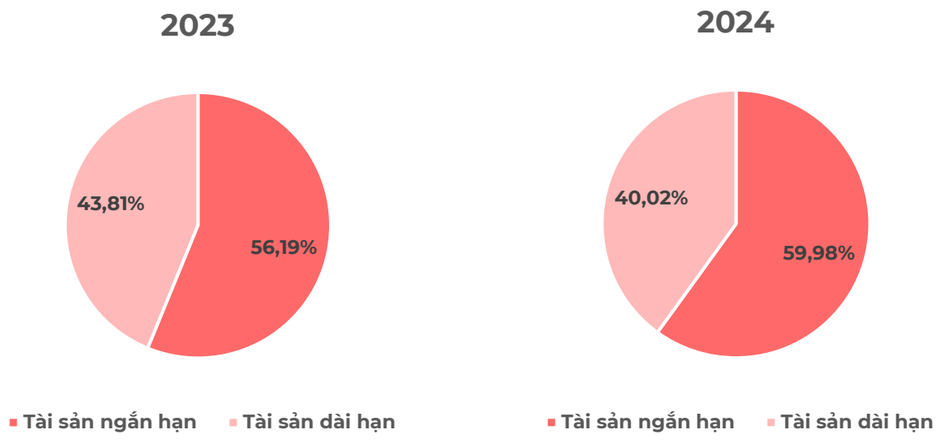

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	%2024/2023
Nợ ngắn hạn	17.087.496.784	100,00%	17.931.063.186	100,00%	104,94%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	**17.087.496.784**	**100,00%**	**17.931.063.186**	**100,00%**	**104,94%**

Tương đương với tổng tài sản thì tổng nguồn vốn cũng ghi nhận mức tăng nhẹ. Nợ phải trả tăng nhẹ, từ 17.087 triệu đồng lên 17.931 triệu đồng, trong khi vốn chủ sở hữu ghi nhận mức tăng đáng kể, từ 92.075 triệu đồng (2023) lên 104.860 triệu đồng (2024), chủ yếu nhờ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty năm 2024 có sự dịch chuyển so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng nợ phải trả giảm (từ 15.66% xuống 14.60%), còn tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng (từ 84.34% lên 85.40%). Xu hướng này cho thấy Công ty tăng cường sử dụng vốn chủ sở hữu để tài trợ, giảm bớt sự phụ thuộc vào nợ vay, từ đó cải thiện tính tự chủ về tài chính.

Biểu đồ cơ cấu nguồn vốn năm 2023 - 2024

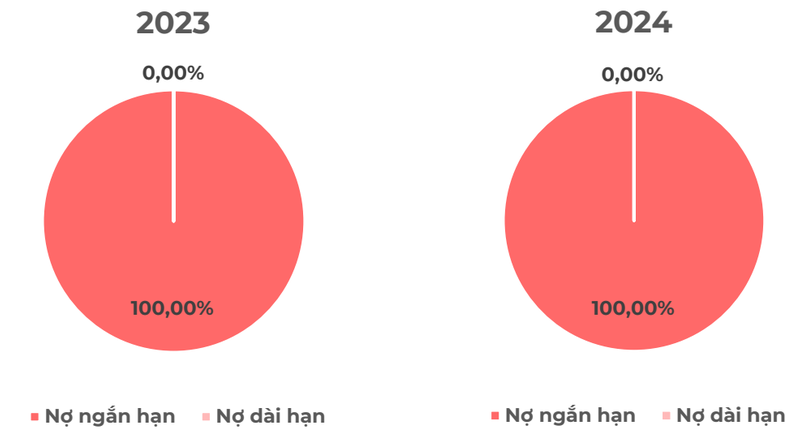

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện nhiều cải tiến đáng kể trên nhiều lĩnh vực, thể hiện sự năng động và quyết tâm đổi mới. Về hoạt động kinh doanh, Công ty đã mở rộng mạng lưới bằng cách đưa vào khai thác thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, đồng thời từng bước nâng cấp chất lượng dịch vụ bằng việc đưa các tuyến xe chất lượng cao vào hoạt động tại các bến xe Ngã Tư Ga và An Sương. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao trải nghiệm của hành khách thông qua việc cải tiến công tác bố trí mặt bằng bến bãi, cũng như khai thác hiệu quả các dịch vụ quảng cáo và tiện ích khác tại các bến xe.

Không chỉ dừng lại ở hoạt động kinh doanh, Công ty còn đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ Thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành. Các mặt công tác quan trọng khác cũng được cải thiện đồng bộ, bao gồm: bảo đảm an ninh trật tự (ANTT), phòng cháy chữa cháy (PCCC), an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), bảo vệ môi trường, xây dựng Đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên, chăm lo đời sống người lao động và đóng góp vào các hoạt động xã hội. Những cải tiến toàn diện này đã góp phần quan trọng vào thành công chung của Công ty trong năm 2024.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2025	So với TH 2023
1	Doanh thu	1.000đ	90.900.000	104,16%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	41.524.360	104,48%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	33.107.488	103,85%
4	Nộp ngân sách	1.000đ	16.355.872	108,72%
5	Tiền lương bình quân tháng	1.000đ	21.220	96,81%
	- Tiền lương bình quân người lao động	1.000đ	20.800	96,74%
	- Tiền lương bình quân VCQL chuyên trách	1.000đ	36.000	83,33%

Kế hoạch Đầu tư 2024: Dự trù kinh phí năm 2024 là 2.644.576.000 đồng

Các nhiệm vụ trọng tâm

- **Hoàn thành kế hoạch:** quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025, bám sát định hướng chiến lược đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.
- **Phục vụ hành khách và đảm bảo an toàn:** phối hợp với các doanh nghiệp vận tải để phục vụ tốt nhu cầu đi lại, đảm bảo chất lượng dịch vụ, đặc biệt chú trọng an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy tại bến xe, nhất là trong các dịp lễ, tết.
- **Tuyên truyền pháp luật vận tải:** tăng cường tuyên truyền, đảm bảo các doanh nghiệp vận tải nắm vững và thực hiện đúng quy định pháp luật.
- **Quản lý tài chính và kiểm soát nội bộ:** quản lý chặt chẽ tài chính, công nợ, tuân thủ quy định tài chính, quy định của nhà nước, tổng công ty và công ty; phân tích, đánh giá tình hình tài chính kịp thời để có kế hoạch phù hợp.
- **Tổ chức bộ máy và đào tạo:** sắp xếp bộ máy hoạt động hiệu quả, tổ chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng cho người lao động.
- **Ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy sáng kiến:** ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, đẩy mạnh phong trào thi đua, khuyến khích sáng kiến.
- **Nâng cao chất lượng dịch vụ bến xe:** duy trì danh hiệu "bến xe an toàn, văn minh", nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại sự hài lòng cho hành khách.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Nhìn chung, Công ty đã có nhiều nỗ lực và đạt được kết quả tích cực trong việc quản lý các chỉ tiêu môi trường. Các biện pháp như kiểm kê khí nhà kính, trồng cây xanh, thay đèn LED, tiết kiệm điện nước, quản lý chất thải, và ứng dụng công nghệ thông tin đã được triển khai. Tuy nhiên, vẫn còn tiềm năng để cải thiện, đặc biệt trong việc thúc đẩy sử dụng phương tiện xanh, tối ưu hóa quản lý chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, và nâng cao hơn nữa nhận thức về bảo vệ môi trường trong toàn thể nhân viên, đối tác.

Ban Tổng Giám đốc khẳng định cam kết tiếp tục đầu tư, hoàn thiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý môi trường, coi đây là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững. Đồng thời, kêu gọi sự chung tay của toàn thể cán bộ nhân viên trong việc thực hiện tốt các mục tiêu này.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã xây dựng và thực hiện chính sách người lao động toàn diện, tập trung vào sức khỏe, an toàn và phúc lợi, bao gồm các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe, chế độ lương thưởng cạnh tranh, cơ hội phát triển và xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực. Công tác đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động cũng được chú trọng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty đã thực hiện tốt chính sách người lao động, thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến đội ngũ nhân viên. Tuy nhiên, để không ngừng cải thiện, Công ty sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá, lắng nghe ý kiến phản hồi và cập nhật các xu hướng mới trong quản lý nguồn nhân lực.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện thành công các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội của mình đối với cộng đồng địa phương. Qua việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho các gia đình và tổ chức gặp khó khăn, Công ty không chỉ tạo ra một hình ảnh tích cực về bản thân mình, mà còn củng cố vị thế của mình như một điểm tựa vững chắc cho cộng đồng địa phương.

05

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty. Cụ thể, tổng doanh thu đã vượt 17,62% so với kế hoạch và tăng 21,97% so với năm 2023, cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ và khả năng nắm bắt cơ hội thị trường tốt. Lợi nhuận sau thuế cũng vượt 19,26% kế hoạch và tăng 28,03% so với năm trước, thể hiện hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời cao. Việc nâng cao thu nhập cho người lao động và tăng cường đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng là những điểm sáng đáng ghi nhận. Hội đồng quản trị nhận định công ty đã tận dụng được sự phục hồi của ngành.

Đối với trách nhiệm môi trường và xã hội, Hội đồng quản trị ghi nhận Công ty đã thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Các biện pháp tiết kiệm điện, nước được thực hiện, mang lại kết quả tích cực. Chính sách về lao động được thực hiện tốt, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Trong tương lai, Công ty cam kết tiếp tục các nỗ lực này.

Nhìn chung, Công ty đã hoạt động hiệu quả trong năm 2024 trên các mặt hoạt động. Các chỉ tiêu kinh doanh vượt kế hoạch, trách nhiệm môi trường và xã hội được thực hiện tốt. Định hướng chính trong thời gian tới là: đẩy mạnh số hóa, mở rộng thị trường và tiếp tục tập trung bảo vệ môi trường. HĐQT tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục phát triển bền vững.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2024, ngành vận tải của Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19 và những tác động từ các xung đột quốc tế. Bức tranh kinh tế quốc gia có nhiều tín hiệu tích cực, với sự cải thiện rõ rệt ở nhiều chỉ số kinh tế. Trong đó, sự phục hồi của các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đã tạo ra điều kiện thuận lợi cho ngành vận tải. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất và nhu cầu đi lại của người dân, đặc biệt là trong các dịp lễ, Tết đã tăng mạnh, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng hành khách và lượt xe xuất bến tại hai bến xe của Công ty so với cùng kỳ

Bên cạnh đó, năm 2024 là năm "nước rút", có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 5 năm 2021 - 2026. Với ý nghĩa và tầm quan trọng đó, ngay từ đầu năm, HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã sát sao chỉ đạo nhiều giải pháp hiệu quả triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh Năm 2024.

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo, cuộc họp sơ, tổng kết quý, nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã triển khai.

Tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên Công ty luôn đoàn kết, triển khai ngay các nhiệm vụ ngay từ đầu năm và đặt quyết tâm cao để vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 đã đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quản trị công ty

Tuân thủ và thực hiện tận tâm những định hướng được đề ra trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã đạt được thành tích ấn tượng của toàn thể nhân viên và tiếp tục giữ vững danh hiệu "Bến xe An toàn - Văn minh" cho hai bến xe trực thuộc.

Công ty tiếp tục tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến hoạt động của mình trên sàn UPCoM theo Luật Chứng khoán, thúc đẩy giao dịch cổ phiếu và quảng bá rộng rãi đến cộng đồng nhà đầu tư.

Tài chính

Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính và kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, tuân thủ nghiêm các quy định về chế độ tài chính, cũng như các quy định của Nhà nước, nội quy, quy chế của Tổng Công ty và Công ty trong công tác kinh doanh và quản lý điều hành. Đặc biệt chú trọng việc phân tích, đánh giá tình hình tài chính một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời để có kế hoạch triển khai phù hợp.

Nhân sự

Công ty tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ và nhân viên, nhằm đảm bảo rằng họ có khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hoạt động công ty

Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải và thường xuyên điều chỉnh phương thức làm việc để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đối tác và khách hàng. Đồng thời, chúng tôi tuân thủ mọi chính sách về chất lượng của Công ty và tập trung đặc biệt vào công tác đảm bảo an ninh, an toàn lao động, và phòng cháy chữa cháy tại toàn bến xe, đặc biệt trong các đợt cao điểm như Lễ và Tết. Chúng tôi cam kết cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao mỹ quan của Bến xe. Bên cạnh đó, Công ty sẽ hoàn thiện việc cải tạo dãy dịch vụ sửa chữa để chuyển đổi chúng thành văn phòng điều hành và khu bán vé tại Bến xe Ngã Tư Ga, đảm bảo đạt tiêu chuẩn bến xe loại 1 để phục vụ các doanh nghiệp vận tải hành khách tuyến cố định. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý và điều hành một cách toàn diện và hiệu quả.

06

Quản trị công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm (NK 2021-2026)	Ngày miễn nhiệm (NK 2021-2026)
1	Ông Ngô Quang Trung	Chủ tịch HĐQT -TVHĐQT Không điều hành	19/5/2021	-
2	Ông Trần Hiếu	Thành viên HĐQT điều hành	19/5/2021	-
3	Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT Không điều hành	19/5/2021	-
4	Ông Nguyễn Xuân Điền	Thành viên HĐQT Không điều hành	19/5/2021	-
5	Bà Đỗ Thị Thanh Thúy	Thành viên HĐQT Không điều hành	25/4/2024	-

(Sơ yếu lý lịch từng thành viên Hội đồng quản trị đã được nêu tại Chương 2 - Phần Tổ chức và Nhân sự)

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không có các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Quang Trung	7/7	100%	
2	Ông Trần Hiếu	7/7	100%	
3	Bà Lê Thúy Hằng	7/7	100%	
4	Ông Nguyễn Xuân Điền	7/7	100%	
5	Bà Đỗ Thị Thanh Thúy	4/4	100%	Tham gia HĐQT từ 25/4/2024 (02 lần ủy quyền)

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2023

Công ty đã ban hành 07 Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2024.

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung	TL Thông qua
1	03/NQ-HĐQT	31/01/2024	• Thông qua Báo cáo tài chính Quý IV/2023 của Công ty ngày 28/01/2024. • Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty ngày 28/01/2024. • Thông qua các nội dung Báo cáo số 19/BC-STP ngày 26/01/2024 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.	100%
2	04/NQ-HĐQT	04/03/2024	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 bằng hình thức trực tuyến, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 26/3/2024.	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2024 (Tiếp theo)

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung	TL Thông qua
3	05/NQ-HĐQT	29/03/2024	• Thông qua các nội dung Báo cáo số 52/BC-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024. • Thông qua các nội dung Báo cáo số 53/BC-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024. • Thông qua Tờ trình số 54/TTr-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã qua kiểm toán. • Thông qua Tờ trình số 55/TTr-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2023. • Thông qua Tờ trình số 56/TTr-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2023 và kế hoạch năm 2024. • Thông qua Tờ trình số 57/TTr-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2023. • Thông qua Tờ trình số 58/TTr-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về phương án kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2024. • Thông qua các nội dung Tờ trình số 59/TTr-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023; tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2024 và một số vấn đề khác. • Thông qua các nội dung Tờ trình số 60/TTr-STP ngày 28/3/2024 của Ban điều hành Công ty về việc điều chỉnh một số điều khoản thuộc Điều lệ Công ty. • Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, nhằm thông qua các nội dung sau: » Chương trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. » Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024. » Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024. » Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. » Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023. » Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. » Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023; tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2024 và một số vấn đề khác. » Tờ trình điều chỉnh một số điều khoản thuộc Điều lệ Công ty. » Tờ trình Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và Thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (2021-2026). • Thông qua Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. • Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2024 phù hợp với quy định pháp luật và điều lệ công ty.	100%
4	15/NQ-HĐQT	03/05/2024	• Thông qua Báo cáo tài chính Quý I/2024 của Công ty ngày 19/4/2024. • Thông qua các nội dung Báo cáo số 82/BC-STP ngày 02/5/2024 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh quý I /2024 và phương hướng nhiệm vụ quý II/2024. • Thông qua Tờ trình số 81/TTr-STP ngày 02/5/2024 của Ban điều hành Công ty về việc tái ký hợp đồng lao động đối với Kế toán trưởng Công ty.	100%
5	17/NQ-HĐQT	31/07/2024	• Thông qua các nội dung Báo cáo số 35/BC-STP ngày 26/7/2024 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2024. • Thông qua Báo cáo tài chính Quý II/2024 ngày 18/7/2024. • Thông qua Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024 ngày 18/7/2024.	
6	19/NQ-HĐQT	23/10/2024	• Thông qua các nội dung Báo cáo số 184/BC-STP ngày 18/10/2024 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2024. • Thông qua Báo cáo tài chính Quý III/2024 ngày 18/10/2024. • Thông qua Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2024 ngày 18/10/2024.	
7	20/NQ-HĐQT	18/12/2024	Thông qua Tờ trình số 218/TTr-STP ngày 09/12/2024 của Ban điều hành Công ty về việc đề nghị điều chỉnh Bảng lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng năm 2024.	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	SL cổ phần cá nhân/đại diện nắm giữ
1	Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	Trưởng Ban kiểm soát	-
2	Ông Võ Văn Đức	Thành viên Ban KS	-
3	Bà Trịnh Thị Lan Anh	Thành viên Ban KS	-

(Sơ yếu lý lịch từng thành viên Ban kiểm soát được nêu tại Chương 2 – Phần Tổ chức và nhân sự.)

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2024

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	02	100%	100%	
2	Ông Võ Văn Đức	02	100%	100%	
4	Bà Lê Thị Thanh Thuận	02	100%	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban thực hiện kiểm tra giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Công ty, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều bám sát các chỉ tiêu, định hướng mà nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ, góp ý, hỗ trợ chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Ban Kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, giám sát với những nội dung chủ yếu liên quan đến công tác quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc, việc chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ, Ban Kiểm soát sẽ kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) do Công ty lập và cả năm đã được kiểm toán. Số thành viên Ban kiểm soát tham dự là 3/3 người. Sau cuộc kiểm soát có biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty. Ngoài ra, các thành viên Ban Kiểm soát cũng thường xuyên thực hiện việc trao đổi thông qua e-mail, điện thoại với các nội dung theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Tham dự họp các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, các chiến lược và định hướng phát triển, thảo luận nội dung Nghị quyết của HĐQT.
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả SXKD năm 2023, Báo cáo tài chính định kỳ các quý năm 2024 nhằm phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, quy chế, quy trình và các văn bản khác của Công ty. Đồng thời, giám sát việc triển khai các công trình xây dựng cơ bản theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và một số nội dung khác.
- Giám sát, đánh giá công tác quản trị, điều hành đối với HĐQT và Ban Giám đốc. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro, thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp để hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thù lao	Tiền thưởng	Thu nhập khác
Hội đồng quản trị					
Ngô Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	-	98.400.000	8.200.000	-
Trần Hiếu	TV.HĐQT - Tổng giám đốc	586.526.364	69.600.000	46.642.560	-
Lê Thúy Hằng	TV.HĐQT - GĐ Kinh doanh	531.531.139	69.600.000	5.800.000	-
Nguyễn Xuân Điền	TV.HĐQT	-	69.600.000	5.800.000	-
Đỗ Thị Thanh Thuý	TV.HĐQT	-	47.560.000	3.963.333	-
Ban kiểm soát					
Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên Ban kiểm soát	-	16.720.000	1.393.334	-
	Trưởng Ban kiểm soát *(Từ ngày 25/04/2024)*	-	51.660.000	4.305.000	-
Võ Anh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	-	52.800.000	4.400.000	-
Trịnh Thị Lan Anh	Thành viên Ban KS	-	52.800.000	4.400.000	-
Ban điều hành					
Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	(Đã nêu ở trên)			
Bùi Thanh Tâm	Kế toán trưởng	450.273.636	-	31.735.773	

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát (tiếp theo)

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Người thực hiện	Chức vụ	Sỡ hữu đầu kỳ		Sỡ hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Ngô Quang Hiển	Anh - Chủ tịch HĐQT	705.012	14,10%	455.012	9,10%	Bán

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NHS	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung số lượng tổng giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty TNHH Vận tải Kumho SamCo Buslines	Công ty thuộc Tổng Công ty SamCo	030530815	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM.	Năm 2024	Doanh thu cung cấp dịch vụ: 60.264.000 Đ
2	Công Ty Cổ phần xe khách Sài Gòn	Công ty thuộc Tổng Công ty SamCo	0300478044	39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Tp. HCM	Năm 2024	Doanh thu cung cấp dịch vụ: 425.568.233 Đ
3	Công ty CP TMvà DV Công nghiệp Hoàng Gia	Bà Đ.T.T Thúy – TVHDQT là KTT	0305072619	FF12C Ba Vì P.15 Q10 TP.HCM	Từ T1 -4/9/2024	Doanh thu cung cấp dịch vụ: 1.161.600.000 Đ
4	Công ty CP TMvà DV Thực phẩm Thành Đô (Tên cũ Công ty CP TM và DV Công nghiệp Hoàng Gia)	Bà Đ.T.T Thúy – TVHDQT là KTT	0305072619	FF12C Ba Vì P.15 Q10 TP.HCM	Từ 5/9 -31/12/2024	Doanh thu cung cấp dịch vụ: 580.800.000 Đ

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác và kịp thời.

07

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 7 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ:	50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	5.000.000 cổ phần
Mã chứng khoán:	TPS
Sàn giao dịch:	UPCoM

Trụ sở chính:
- Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 22 338 686
- Website : http://www.benbaivantaisaigon.com.vn

Công ty có các chi nhánh như sau:

Chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Địa chỉ
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/08/2023	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04/08/2023	Số 16, Ấp Đông Lân 1, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở, nhà và đất không để ở, kinh doanh bất động sản khác;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng (xe trung chuyển);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống; và
- Điều hành tua du lịch.

Thông tin chung (tiếp theo)

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải.

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông	Ngô Quang Trung	Chủ tịch	19/05/2021
Ông	Nguyễn Xuân Điền	Thành viên	19/05/2021
Ông	Trần Hiếu	Thành viên/ Tổng Giám đốc	19/05/2021
Bà	Lê Thúy Hằng	Thành viên	19/05/2021
Bà	Đỗ Thị Thanh Thúy	Thành viên	25/04/2024

Ban kiểm soát

		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà	Nguyễn Vũ Anh Thư	Trưởng ban	01/11/2023
Ông	Võ Văn Đức	Thành viên	19/05/2021
Bà	Trịnh Thị Lan Anh	Thành viên	11/12/2023

Ban Giám đốc

		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông	Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông	Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

NGÔ QUANG TRUNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 309/2025/BCKT-HCM.00348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÙI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0071-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THÚY TRANG
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4128-2022-009-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Ho Chi Minh City Head Office • Tel: +84 28 2220 0237 • Fax: +84 28 2220 0265 • Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn
2/F Indochina Park Tower • No. 4 Nguyen Dinh Chieu Street • Dakao Ward • District 1 • Ho Chi Minh City • Vietnam • Website: www.pkf.afcvietnam.vn

PKF AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member of PKF Global, the network of member firms of PKF International Limited, each of which is a separate and independent legal entity and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member or correspondent firm(s).

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**73.648.379.985**	**61.335.912.222**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**9.152.869.318**	**21.647.069.213**
Tiền	111		3.152.869.318	2.447.069.213
Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	19.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**61.000.000.000**	**36.500.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	61.000.000.000	36.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.473.661.275**	**2.700.698.234**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.244.492.991	1.366.105.281
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	619.445.600	691.622.186
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	847.505.084	642.970.767
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(237.782.400)	-
Hàng tồn kho	**140**		**-**	**-**
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.021.849.392**	**488.144.775**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	983.949.689	450.245.072
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	37.899.703	37.899.703
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**49.142.623.710**	**47.827.029.498**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
Tài sản cố định	**220**		**37.842.470.913**	**39.746.974.380**
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	31.154.222.969	33.399.793.905
Nguyên giá	222		62.809.227.033	63.541.596.308
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.655.004.064)	(30.141.802.403)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	6.688.247.944	6.347.180.475
Nguyên giá	228		11.050.483.758	10.343.691.758
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.362.235.814)	(3.996.511.283)
Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**3.993.144.359**	**3.985.903.618**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	3.993.144.359	3.985.903.618
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.307.008.438**	**4.094.151.500**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	7.307.008.438	4.094.151.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**122.791.003.695**	**109.162.941.720**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**17.931.063.186**	**17.087.496.784**
Nợ ngắn hạn	**310**		**17.931.063.186**	**17.087.496.784**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	363.057.727	547.009.406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		89.830.825	8.024.194
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	443.989.129	2.115.562.352
Phải trả người lao động	314		7.642.776.993	7.014.323.862
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		50.727.272	49.728.181
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.623.790.062	2.421.505.148
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.14	6.716.891.178	4.931.343.641
Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**104.859.940.509**	**92.075.444.936**
Vốn chủ sở hữu	**410**	5.15	**104.859.940.509**	**92.075.444.936**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(127.180.000)	(127.180.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.190.985.799	9.945.990.818
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.796.134.710	32.256.634.118
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.916.892.025	7.356.734.496
LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.879.242.685	24.899.899.622
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**122.791.003.695**	**109.162.941.720**

NGÔ THỊ PHƯƠNG HIÊN	**BÙI THANH TÂM**	**TRẦN HIẾU**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	6.1	**84.666.956.795**	**68.881.952.832**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	**10**		**84.666.956.795**	**68.881.952.832**
Giá vốn hàng bán	**11**	6.2	**36.083.313.727**	**30.601.990.764**
Lợi nhuận gộp	**20**		**48.583.643.068**	**38.279.962.068**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.219.292.460	2.638.159.221
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	11.148.792.184	9.678.457.910
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**30**		**39.654.143.344**	**31.239.663.379**
Thu nhập khác	31	6.5	386.726.312	35.430.245
Chi phí khác	32	6.6	27.819.224	4.273.329
Lợi nhuận khác	**40**		**358.907.088**	**31.156.916**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**40.013.050.432**	**31.270.820.295**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	8.133.807.747	6.370.920.673
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**31.879.242.685**	**24.899.899.622**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	4.835	3.661

NGÔ THỊ PHƯƠNG HIỀN	BÙI THANH TÂM	TRẦN HIẾU
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**40.013.050.432**	**31.270.820.295**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.8; 5.9	2.931.108.013	2.673.987.648
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	5.6	237.782.400	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3; 6.5	(2.444.837.915)	(2.638.159.221)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		***40.737.102.930***	***31.306.648.722***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		195.647.020	463.092.539
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(15.972.304)	2.873.079.169
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(3.708.302.296)	(1.075.095.920)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.12	(9.200.456.178)	(6.329.381.459)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.14	1.080.000	900.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	5.14	(4.810.279.575)	(3.705.629.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**23.198.819.597**	**23.533.613.670**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(931.464.946)	(2.070.102.049)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		225.545.455	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(24.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		5.500.000.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.012.899.999	2.512.395.505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(23.193.019.492)**	**(19.057.706.544)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.500.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(12.500.000.000)**	**(6.000.000.000)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**		**(12.494.199.895)**	**(1.524.092.874)**
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	**60**	5.1	**21.647.069.213**	**23.171.162.087**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**70**	5.1	**9.152.869.318**	**21.647.069.213**

NGÔ THỊ PHƯƠNG HIỀN	BÙI THANH TÂM	TRẦN HIẾU
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 7 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ:	50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	5.000.000 cổ phần
Mã chứng khoán:	TPS
Sàn giao dịch:	UPCoM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở, nhà và đất không để ở, kinh doanh bất động sản khác;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng (xe trung chuyển);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống; và
- Điều hành tua du lịch.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Địa chỉ
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/08/2023	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04/08/2023	Số 16, Ấp Đông Lân 1, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 104 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa, cải tạo; chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí giải tỏa mặt bằng

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

Phần mềm kế toán

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thực phẩm Thành Đô (tên cũ là Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia)	Công ty có mối quan hệ với thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ – VND	355.058.404	230.320.061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	2.797.810.914	2.216.749.152
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	6.000.000.000	19.200.000.000
	9.152.869.318	**21.647.069.213**

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng				
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	10.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh 3	25.500.000.000	25.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
• Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
• Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Phòng giao dịch Minh Châu	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-
	61.000.000.000	**61.000.000.000**	**36.500.000.000**	**36.500.000.000**

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	-	36.644.640
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thực phẩm Thành Đô	-	49.787.811
Phải thu các khách hàng khác		
Chi nhánh Hồ Chí Minh – Công ty cổ phần Xe khách Phương Trang Futabuslines	1.165.364.505	911.475.841
Các khách hàng khác	79.128.486	368.196.989
	1.244.492.991	**1.366.105.281**

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Việt Tín Thành	233.683.200	-
Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục và Môi trường Lựa Chọn Thông Minh	191.882.400	191.882.400
Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo Multiface	91.800.000	91.800.000
Công ty cổ phần Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Sơn Phát	64.400.000	-
Các nhà cung cấp khác	37.680.000	407.939.786
	619.445.600	**691.622.186**

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	731.016.432	-	524.623.971	-
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	-	116.346.796	-
Phải thu khác	141.856	-	2.000.000	-
	847.505.084	**-**	**642.970.767**	**-**

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024			01/01/2024	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND		VND	VND
Trả trước người bán						
Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục và Môi trường Lựa chọn Thông Minh	Trên 3 năm	191.882.400	(191.882.400)		-	-
Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo Multiface	Trên 1 năm	91.800.000	(45.900.000)		-	-
		283.682.400	**(237.782.400)**		**-**	**-**

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2024
	VND
Số dư đầu năm	-
Trích lập dự phòng trong năm	237.782.400
Số dư cuối năm	**237.782.400**

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	216.680.068	203.215.419
Chi phí sửa chữa	719.177.952	247.029.653
Chi phí khác	48.091.669	-
	983.949.689	**450.245.072**

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo	7.186.012.556	3.885.190.373
Chi phí công cụ, dụng cụ	120.995.882	208.961.127
	7.307.008.438	**4.094.151.500**

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	56.433.775.201	1.086.462.298	2.401.354.548	2.543.493.931	1.076.510.330	63.541.596.308
Tăng từ mua sắm	-	-	-	143.300.000	176.512.546	319.812.546
Thanh lý trong năm	-	-	(1.052.181.821)	-	-	(1.052.181.821)
Tại ngày 31/12/2024	**56.433.775.201**	**1.086.462.298**	**1.349.172.727**	**2.686.793.931**	**1.253.022.876**	**62.809.227.033**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	26.561.714.852	627.019.685	1.063.062.246	968.728.278	921.277.342	30.141.802.403
Khấu hao trong năm	1.833.708.715	101.525.025	224.862.120	273.213.713	132.073.909	2.565.383.482
Thanh lý trong năm	-	-	(1.052.181.821)	-	-	(1.052.181.821)
Tại ngày 31/12/2024	**28.395.423.567**	**728.544.710**	**235.742.545**	**1.241.941.991**	**1.053.351.251**	**31.655.004.064**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	29.872.060.349	459.442.613	1.338.292.302	1.574.765.653	155.232.988	33.399.793.905
Tại ngày 31/12/2024	**28.038.351.634**	**357.917.588**	**1.113.430.182**	**1.444.851.940**	**199.671.625**	**31.154.222.969**
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2024	22.640.885.567	518.458.150	1.052.181.821	239.743.818	201.972.694	**24.653.242.050**
Tại ngày 31/12/2024	22.841.922.840	518.458.150	-	419.909.858	850.936.330	**24.631.227.178**

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	9.440.419.030	903.272.728	10.343.691.758
Tăng trong năm	-	706.792.000	706.792.000
Tại ngày 31/12/2024	**9.440.419.030**	**1.610.064.728**	**11.050.483.758**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	3.651.036.113	345.475.170	3.996.511.283
Khấu hao trong năm	209.787.084	155.937.447	365.724.531
Tại ngày 31/12/2024	**3.860.823.197**	**501.412.617**	**4.362.235.814**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	5.789.382.917	557.797.558	6.347.180.475
Tại ngày 31/12/2024	**5.579.595.833**	**1.108.652.111**	**6.688.247.944**

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024	Phát sinh tăng	Giảm khác	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Dự án cải tạo nâng cấp Bến xe An Sương	2.962.186.981	-	-	2.962.186.981
Nhà ga hành khách Bến xe Ngã Tư Ga	836.382.591	-	-	836.382.591
Dự án khác	187.334.046	2.418.713.279	(2.411.472.538)	194.574.787
	3.985.903.618	**2.418.713.279**	**(2.411.472.538)**	**3.993.144.359**

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Điện Điện tử C&T	134.684.650	134.684.650	11.750.000	11.750.000
Công ty Điện lực Hóc Môn	80.994.651	80.994.651	84.115.982	84.115.982
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông	47.869.500	47.869.500	50.656.651	50.656.651
Các nhà cung cấp khác	99.508.926	99.508.926	400.486.773	400.486.773
	363.057.727	**363.057.727**	**547.009.406**	**547.009.406**

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	838.211.110	5.823.310.388	(6.357.910.323)	-	303.611.175
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.134.456.178	8.133.807.747	(9.200.456.178)	-	67.807.747
Thuế thu nhập cá nhân	-	141.064.385	642.793.526	(713.118.393)	-	70.739.518
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.830.679	428.630.267	(428.630.257)	-	1.830.689
Các khoản phải nộp khác	37.899.703	-	15.519.224	(15.519.224)	37.899.703	-
Cộng	**37.899.703**	**2.115.562.352**	**15.044.061.152**	**(16.715.634.375)**	**37.899.703**	**443.989.129**

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho dịch vụ tiêu thụ trong nước là 8% - 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành được ước tính như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.013.050.432	31.270.820.295
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chi phí không được trừ	655.988.304	560.900.475
Thu nhập tính thuế	**40.669.038.736**	**31.831.720.770**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	**8.133.807.747**	**6.366.344.154**
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	4.576.519
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**8.133.807.747**	**6.370.920.673**

Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
• Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	78.096.000	78.096.000
• Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	10.393.000	6.200.000
Phải trả các đối tượng khác		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.499.653.356	2.296.760.932
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	35.647.706	40.448.216
	2.623.790.062	**2.421.505.148**

5.14 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng ban điều hành	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	4.899.212.022	32.131.619	4.931.343.641
Trích quỹ	6.403.587.112	191.160.000	6.594.747.112
Thu khác	1.080.000	-	1.080.000
Chi bằng tiền	(4.638.235.575)	(172.044.000)	(4.810.279.575)
Tại ngày 31/12/2024	**6.665.643.559**	**51.247.619**	**6.716.891.178**

5.15 Vốn chủ sở hữu

5.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	50.000.000.000	(127.180.000)	9.298.540.227	18.076.596.462	77.247.956.689
Lãi trong năm	-	-	-	24.899.899.622	24.899.899.622
Trích lập các quỹ	-	-	647.450.591	(4.719.861.966)	(4.072.411.375)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	**50.000.000.000**	**(127.180.000)**	**9.945.990.818**	**32.256.634.118**	**92.075.444.936**
Tại ngày 01/01/2024	50.000.000.000	(127.180.000)	9.945.990.818	32.256.634.118	92.075.444.936
Lãi trong năm	-	-	-	31.879.242.685	31.879.242.685
Trích lập các quỹ	-	-	1.244.994.981	(7.839.742.093)	(6.594.747.112)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	**50.000.000.000**	**(127.180.000)**	**11.190.985.799**	**43.796.134.710**	**104.859.940.509**

5.15.2 Chi tiết vốn góp bởi các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 7 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ:	50.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	5.000.000	cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Chi tiết vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	2.550.000	51,00
Ngô Quang Hiển	455.012	9,10
Ngô Quang Trung	538.635	10,77
Đoàn Thị Thúy Quỳnh	519.062	10,38
145 cổ đông khác	937.291	18,75
	5.000.000	**100,00**

5.15.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*5.000.000*	*5.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*5.000.000*	*5.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.15.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, chi tiết như sau:

	VND
• Chia cổ tức (tỷ lệ 25% vốn điều lệ)	12.500.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.244.994.981
• Trích quỹ khen thưởng	1.600.896.778
• Trích quỹ phúc lợi	4.802.690.334
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	191.160.000
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	11.916.892.025
	32.256.634.118

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.644.374.067	68.843.533.741
Doanh thu khác	22.582.728	38.419.091
	84.666.956.795	**68.881.952.832**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan: xem Thuyết minh 9.1.2.

6.2 Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	36.083.313.727	30.601.990.764
	36.083.313.727	**30.601.990.764**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.219.292.460	2.638.159.221
	2.219.292.460	**2.638.159.221**

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	8.068.004.655	7.148.847.316
Chi phí khác	3.080.787.529	2.529.610.594
	11.148.792.184	**9.678.457.910**

6.5 Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	225.545.455	-
Tiền thuê đất được giảm	116.482.129	21.942.360
Thu nhập khác	44.698.728	13.487.885
	386.726.312	**35.430.245**

6.6 Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Tiền phạt thuế, vi phạm hành chính	25.519.224	2.286.922
Chi phí khác	2.300.000	1.986.407
	27.819.224	**4.273.329**

6.7 Lãi trên cổ phiếu

6.7.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.879.242.685	24.899.899.622
Trừ: trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(7.706.178.648)	(6.594.747.112)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.173.064.037	18.305.152.510
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**4.835**	**3.661**

(*) Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2024 căn cứ theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2024	2023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**5.000.000**	**5.000.000**

6.7.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân công	31.740.390.436	27.114.357.501
Chi phí công cụ, dụng cụ	923.602.493	1.356.983.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.931.108.013	2.673.987.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.642.943.282	5.833.638.137
Chi phí khác	3.994.061.687	3.301.481.672
	47.232.105.911	**40.280.448.674**

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi:

	2024 VND	2023 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	731.016.432	524.623.971

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Phải trả người bán	363.057.727	-	363.057.727
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.638.869.628	-	2.638.869.628
	3.001.927.355	**-**	**3.001.927.355**
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Phải trả người bán	547.009.406	-	547.009.406
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.430.785.113	-	2.430.785.113
	2.977.794.519	**-**	**2.977.794.519**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.588.142.356 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.381.056.932 VND.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu của khách hàng	1.244.492.991	1.366.105.281	1.244.492.991	1.366.105.281
Phải thu khác	731.016.432	524.623.971	731.016.432	524.623.971
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	61.000.000.000	36.500.000.000	61.000.000.000	36.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.152.869.318	21.647.069.213	9.152.869.318	21.647.069.213
Tổng cộng	**72.128.378.741**	**60.037.798.465**	**72.128.378.741**	**60.037.798.465**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	363.057.727	547.009.406	363.057.727	547.009.406
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.638.869.628	2.430.785.113	2.638.869.628	2.430.785.113
Tổng cộng	**3.001.927.355**	**2.977.794.519**	**3.001.927.355**	**2.977.794.519**

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thù lao, thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

	2024 VND	2023 VND
Ông Ngô Quang Trung	109.452.666	109.291.389
Ông Nguyễn Xuân Điền	78.286.377	77.379.564
Ông Trần Hiếu	78.286.377	77.379.564
Bà Lê Thúy Hằng	78.286.377	77.379.564
Bà Phan Thị Trang	8.219.367	73.637.629
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	47.560.000	-
Ông Võ Văn Đức	58.730.698	58.712.468
Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	74.969.665	58.712.468
Bà Trịnh Thị Lan Anh	53.171.997	2.980.645
	586.963.524	**535.473.291**

Lương của các thành viên quản lý chủ chốt

	2024 VND	2023 VND
Ông Trần Hiếu	691.579.377	700.162.580
Bà Lê Thị Thanh Thuận (miễn nhiệm ngày 11/12/2023)	83.388.406	562.033.400
	774.967.783	**1.262.195.980**

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2024 VND	2023 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Chia cổ tức	6.375.000.000	3.060.000.000
	Chi hộ	31.592.032	-
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	398.417.803	390.849.707
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	55.800.000	37.454.548
	Nhận đặt cọc	4.193.000	600.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV – Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành	Mua xe	-	1.197.272.727
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thực phẩm Thành Đô	Cung cấp dịch vụ	1.893.807.274	2.812.747.642

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(78.096.000)	(78.096.000)
	Phải thu thương mại	-	36.644.640
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(10.393.000)	(6.200.000)
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thực phẩm Thành Đô	Phải thu thương mại	-	49.787.811

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đậu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3 Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương" (giai đoạn 1)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành là 34.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh để thực hiện Dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương".

Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Mục đích huy động vốn	Số tiền đã huy động		Số tiền thực tế đã sử dụng cho dự án		Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt phát hành
	Năm nay	Lũy kế	Năm nay	Lũy kế	
	VND	VND	VND	VND	VND
Thực hiện Dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương"	-	34.000.000.000	-	30.372.521.560	3.627.478.440
	-	**34.000.000.000**	-	**30.372.521.560**	**3.627.478.440**

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

NGÔ THỊ PHƯƠNG HIÊN	BÙI THANH TÂM	TRẦN HIẾU
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Báo cáo thường niên 2024

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc

Trần Hiếu